CONTES ET MORALITÉS ANNAMITES

PUBLICATIONS F.-H. SCHNEIDER

COLLECTION DES CLASSIQUES

啟童雜引

Contes et Moralités Annamites

AVEC TRADUCTION FRANÇAISE

par

DỖ THẬN

杜 慎

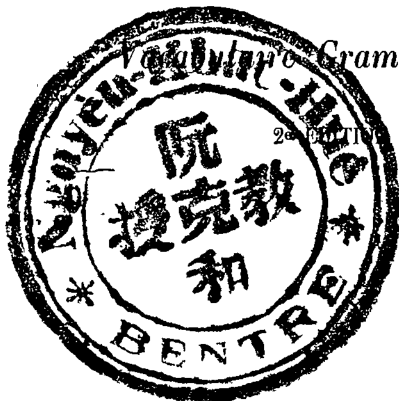
CO-AUTEUR

DU

Vocabulaire Grammatical Franco-Tonkinois

2e ÉDITION REVUE ET AUGMENTÉE

1er LIVRET





HANOI

F.-H. Schneider, Imprimeur-Éditeur

1906

啓童雜引

KHẢI ĐỒNG TẠP DẪN



NHỜI CÁO BẠCH

Sách « Khải-đồng-tạp-dẫn » *này khi vừa mới in ra thì đã bán hết ngay.*

Vì nhiều người có lòng tốt muốn xem sách ấy, cho nên tôi lại nhờ in ra hai nghìn quyển nữa.

Bản in lần thứ hai này, tôi đã thêm vào nhiều bài mới, mà những bài cũ thì tôi cũng có sửa lại, và tôi đã chia ra làm hai quyển.

Ước gì sách nhỏ này mà giúp cho trẻ con ta được ích lợi ít nhiều, thì tôi lấy làm vui lòng lắm.

ĐỖ THẬN.

Làm tại Hà-nội, ngày nguyên đán năm Bính-ngọ, niên hiệu Thành-thái thứ mười tám.

AVIS AU LECTEUR

La première édition de nos « Contes et Moralités Annamites » (1) *a été complètement épuisée dès les premiers jours de leur apparition.*

Le bon accueil dont ils ont été l'objet de la part du Public nous encourage à les faire réimprimer.

A cette deuxième édition, nous avons apporté de notables changements. Notre petit ouvrage, complété par plusieurs textes nouveaux, a été revu et divisé en deux livrets.

Puisse notre modeste travail offrir quelque intérêt et rendre service à nos jeunes Compatriotes, ce sera notre récompense.

ĐỖ THẬN.

Hanoi, le 25 janvier 1906.

---

(1) Bien que quelques-uns de nos contes soient d'origine chinoise ils n'en sont pas moins considérés comme des contes annamites.

QUYÊN THỨ NHAT

MỤC LỤC

Nhời cáo bạch.

1. — Truyện vua ĐINH TIÊN-HOÀNG còn bé. 2 4 6
2. — Ta phải nên trang sức trong mình. 8
3. — Bài khuyên học trò. 10 12
4. — Truyện vua ĐINH TIÊN-HOÀNG còn bé (*Bài nôi*). . . . 14 16
5. — Truyện người nước *Tề*. 18 20 22
6. — Cách ăn ở trong anh em họ hàng. 24 26
7. — Truyện vua ĐINH TIÊN-HOÀNG còn bé (*Bài nôi*). 28 30
8. — Truyện kẻ hay khoe mình. 32 34
9. — Truyện vua ĐINH TIÊN-HOÀNG còn bé (*Bài nôi*). 36 38
10. — Không nên du đãng 40
11. — Truyện ông Vương Hi, là người nhân đức. 42
12. — Truyện vua ĐINH TIÊN-HOÀNG còn bé (*Bài nôi và là bài cuôi*) 44 46 48

CÁC CHO IN NHÂM

Trang	BÀI	CƯỚC CHÚ	*Thay vì*	*Đọc là*
2	1	3, ròng cuối trang	tẳhng	thẳng
4	1, ròng thứ mười		(*Còn nôi theo nữa*).	BỎ CẢ RÒNG ẤY ĐI.
4	1	3, ròng thứ nhất	con ngự a	con ngựa
4	1	3, ròng thứ mười hai	bọc co	bọc cỏ
4	1	3, ròng thứ mười chín	dang ông	dâng ông
18	5, ròng thứ mười lăm		n hưngười	như người
26	6, ròng thứ năm		qu ảlê	quả lê
32	8, câu dàu bài		Truyện ke hay khoẻ mình.	Truyện kẻ hay khoe mình.
32	8, ròng thứ sáu		kheo nói.	khéo nói
40	10, câu đàu bai		du đang	du đãng
40	10, ròng thứ hai		Người la	Người ta

1er LIVRET

TABLE DES MATIÈRES

Avis au Lecteur.

1. — Jeunesse du Roi ĐINH TIÊN-HOÀNG. 3 5 7
2. — Ornons notre esprit. 9
3. — Conseils à un jeune étudiant. 11 13
4. — Jeunesse du Roi ĐINH TIÊN-HOÀNG (*Suite*). 15 17
5. — Histoire de l'homme du pays de TÊ 19 21 23
6. — La vie familiale. 25 27
7. — Jeunesse du Roi ĐINH TIÊN-HOÀNG (*Suite*) 29 31
8. — Le vaniteux. 33 35
9. — Jeunesse du Roi ĐINH TIÊN-HOÀNG (*Suite*). 37 39
10. — Enfants, n'aimez pas le jeu. 41
11. — VƯƠNG HI, le charitable. 43
12. — Jeunesse du Roi ĐINH TIÊN-HOÀNG (*Suite et fin*). . . 45 47 49

ERRATA

Pages	TEXTES	NOTES	*Au lieu de*	*Lire*
3	1, 1re ligne		fon dateur	fondateur
3	1	1	principale ment	principalement
3	1	4	habitant s primi-tifs	habitants primitifs
5	1, 4e ligne		procla mé	proclamé
5	1, 10e ligne		(*A suivre*).	SUPPRIMER CES MOTS.
5	1	9, 9e ligne	vallonayant	v a llon, ayant
5	1	9, 14e ligne	toitre	toiture
5	1	9, 15e ligne	ce sont ' là	ce sont là
21	5, 26e ligne		et se venta	et se vanta
25	6, 8e ligne		flétrit brusque-ment	se flétrit brusque-ment
27	6, 5e ligne		le glongea	le plongea

PREMIER LIVRET

1. — TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG CÒN BÉ.

Ông ĐINH BỘ-LĨNH là ông đã lập ra nhà *Đinh* ở nước Nam.

Nước Tàu chiếm lấy quận *Giao-chỉ* (1) đã lâu, và đã chia ra làm mười hai châu, mỗi một châu có đặt một ông quan gọi là *Sứ-quân*. Ông BỘ-LĨNH khởi binh lấy nước, và trận nào ông ấy đánh nhau với quân tàu thì ông ấy cũng được cả. Những quân tàu chỗ nào cũng phải thua và bỏ chạy cả, mà mười hai anh *Sứ-quân* thì nhiều khi bất bình với nhau, cứ đánh lẫn nhau để dân ở giữa phải hại, sau cả mười hai anh ấy, hết anh nọ đến anh kia, cũng phải thua ông BỘ-LĨNH cả.

---

(1) Nước Nam ngày xưa gọi là nước *Giao-chỉ*.

(2) Nghĩa là « *Nước Nam mấy trăm năm phải nội thuộc với nước Tàu* ».

(3) Cứ theo sách « *Đại-việt-sử-ký* » thì vua ĐINH TIÊN-HOÀNG là con ông ĐINH CÔNG-CHƯỚC làm quan Thứ-sử 刺史 ở Hoan-châu 驩州, cũng như bây giờ là Tri-phủ. Theo « *Việt-sử-tiền-biên* » 越史前編 và theo « *Dã-sử-nhàn-đàm* » 野史閒談 thì vua ĐINH TIÊN-HOÀNG là con một người nàng hầu 媵 ông ĐINH CÔNG-CHƯỚC. Nhưng mà sách « *Công-dư-tiệp-ký* » 公餘捷記 thì chép rằng vua ĐINH TIÊN-HOÀNG là con con dái-nước (hình nó như con chó và sắc thì đen, cũng có con sắc tía ; nó là giống ăn cá, và nó lặn tài lắm). Khi bà mẹ là nàng hầu ông ĐINH CÔNG-CHƯỚC đi ra tắm ở ngoài đầm ở trong đồng *Sơn-thần* phải con dái-nước nó hiếp, về nhà thụ thai, sau đẻ ra vua ĐINH TIÊN-HOÀNG. Đến khi ông ĐINH CÔNG-CHƯỚC chết rồi, thì những người ở trong đồng bắt được con dái-nước ấy đem về làm thịt ăn. Bà ấy đợi lúc người ta ăn xong rồi mới nhặt lấy các cái xương người ta vứt bỏ, đem về gói lại và treo lên trên gác bếp. Bà ấy vẫn thường dặn con rằng : « Gói ấy là gói xương bố mày đấy ».

Sau có một ông thầy địa lý ở bên Tàu sang tìm đất, thấy ở dưới đầm trong đồng *Sơn-thần* có một cái tia sáng từ giữa đầm tuôn thẳng lên đến tận ngôi sao

1. — L'ENFANCE DU ROI ĐINH TIÊN-HOÀNG (1).

ĐINH BỘ-LĨNH (2) est le fondateur de la dynastie annamite des *Đinh* (3).

Les Chinois depuis longtemps occupaient le pays des *Giao-chỉ* (4); ils l'avaient divisé en douze *Châu* (5), à la tête de chacun desquels ils avaient placé un mandarin appelé « *Sứ-quân* » (6). BỘ-LĨNH souleva le pays et fut vainqueur dans toutes les batailles qu'il livra aux Célestes oppresseurs (7). Les ennemis, repoussés de toutes parts, furent chassés et les douze *Sứ-quân* qui, souvent en désaccord, se faisaient la guerre au dépens du peuple, furent vaincus l'un après l'autre.

---

(1) Renseignements recueillis principalement dans le « *Đại-việt-sử-ký* » 大越史記 (Histoire d'Annam).

(2) ĐINH BỘ-LĨNH 丁部領.

(3) La dynastie des *Đinh* régnait aux environs des 8e et 9e siècles de l'ère chrétienne.

(4) *Giao-chỉ* 交趾: Nom des habitants primitifs du Tonkin et aussi ancien nom de ce pays.

(5) *Châu* 州. Nom des divisions administratives de l'ancien Tonkin.

(6) *Sứ-quân* 使君 (envoyé impérial). Ces *Sứ-quân* étaient des mandarins envoyés par la Chine au Tonkin. Ils étaient placés à la tête de chacun des *châu*. Quand les troubles agitèrent la Chine et que la dynastie chinoise des *Chu* postérieurs menaça de s'écrouler, l'autorité impériale ne s'étendit plus au pays des *Giao-chỉ*. Alors, à ce moment-là, ces mandarins, se sentant échapper à tout contrôle, se déclarèrent indépendants et chacun d'eux s'érigea en roitelet dans la circonscription territoriale qu'il avait eu la charge d'administrer au nom de son souverain.

(7) Aussi on le surnomma VẠN-THẮNG-VƯƠNG 萬勝王 « *Prince dix mille fois vainqueur* ».

Nước Nam mấy trăm năm phải những quân tàu chiếm giữ (2) làm khổ dân lắm, lúc ấy đã được thoát khỏi, và ông Bộ-LĨNH đã đánh lấy được.

Ông ấy tức vị lên làm vua nước *Giao-chỉ*, sau đặt tên hiệu ông ấy là TIÊN-HOÀNG (*là vua thứ nhất ở nước Nam*). Ông ấy lập ra đời nhà ấy như thế gọi là đời nhà *Đinh*, là tên họ ông ấy. Ông ấy là con nhà tầm thường (3), mà vì có can đởm và tài khéo cho nên làm được đến vua.

(*Còn nói theo nữa*)

Thiên-mã 天馬 ở trên giời. Người khách biết rằng ở dưới đầm chắc có con ngựa thần, nhưng mà cái đầm ấy sâu lắm không có ai dám lặn xuống đến giữa đầm bao giờ. Ông thày địa lý đi rao mãi xem có ai lặn xuống được thì thuê tiền. Ông ĐINH TIÊN-HOÀNG từ khi mới đẻ ra cũng đã tài lặn lắm, nghe thấy thế bèn nhận ngay để lặn xuống, lúc lên ông ấy nói rằng có một con ngựa đá đứng ở dưới giữa đầm. Người khách lại bảo ông ấy cầm một nắm cỏ xuống thử giơ cho con ngựa xem nó có ăn không. Ông ấy lại cầm cỏ lặn xuống chìa cho con ngựa thì nó há mồm ăn ngay. Người khách bèn đưa cho ông ấy một ít bạc và bảo ông ấy rằng : « Tôi phải về Tàu, rồi khi tôi sang đây thì tôi cho anh nhiều bạc nữa. » Ông ĐINH TIÊN-HOÀNG lúc ấy hãy còn bé, nhưng mà đã tinh lắm : ông ấy biết rằng chỗ ấy tất có huyệt hay. Đợi khi anh khách về Tàu rồi thì ông ấy lấy gói xương treo trên gác bếp, mà mẹ ông ấy vẫn bảo là xương bố ông ấy, bọc cỏ ra ngoài rồi đem xuống dưới đầm bỏ vào mồm con ngựa đá, nó nuốt lấy.

Từ lúc ấy ai ai cũng suy phục ông ấy, và cách mấy năm sau khi người khách địa lý sang thì ông ấy đã làm đại tướng rồi. Người khách biết rằng ông ấy đã chiếm mất huyệt hay ở dưới đầm rồi, giận lắm và sợ rằng rồi ông ấy lấy được cả thiên hạ, nó mới tìm mưu làm phản ông ấy. Một hôm nó mang một thanh hươm vàng đến nói với ông ấy rằng : « Huyệt ấy tốt thật, nhưng mà ngựa không có hươm thì không hay, tôi xin dâng ông thanh hươm này để ông đem xuống để vào cạnh cổ con ngựa, thì ắt là ông đánh đâu được đấy và sẽ lấy được cả thiên hạ. » Ông ĐINH TIÊN-HOÀNG nghe thấy nói thế tưởng là phải bèn làm ngay, cho nên sau làm vua được mười hai năm thì phải kẻ thích khách nó giết, và nhà *Đinh* chỉ được có hai đời mà thôi, là vì tại để thanh hươm cạnh cổ con ngựa nó đứt cổ, cho nên phải thế.

(2) *Xem cước-chú ở trang thứ hai.*

(3) *id.*

Le pays que des centaines d'années d'occupation chinoise avaient rendu si malheureux fut délivré et Bộ-LĨNH conquit le royaume.

Il fut proclamé Roi des « *Giao-chỉ* » (4) et il prit le prénom honorifique de « TIÊN-HOÀNG » (*Premier empereur*) (8). La dynastie qu'il fonda ainsi s'appela *Đinh*, de son nom de famille. De basse extraction (9), grâce à son courage et à son habileté, il avait pu parvenir au pouvoir suprême.

(*A suivre*)

---

(8) *Tiên-hoàng* 先 皇.

(9) D'après le "*Đại-việt-sử-ký*" le roi ĐINH TIÊN-HOÀNG est le fils de ĐINH CÔNG-CHƯỚC, *thứ-sử* de Hoan-châu, et d'après le "VIỆT SỬ-TIÊN-BIÊN" et le "*Dã-sử-nhàn-đàm*" d'une de ses concubines de dernier rang. Mais le "*Công-dư-tiệp-ký*" enregistre ceci : « Le véritable procréateur du roi ĐINH TIÊN-« HOÀNG est en réalité un loutre monstrueux. Cet animal a violé un jour sa mère « lorsque celle-ci était en train de se baigner dans un étang situé dans le vallon « de *Sơn-thần*. En revenant chez elle, elle se trouve alors enceinte et met plus « tard au monde un enfant qui est devenu le roi ĐINH TIÊN-HOÀNG. Après la mort « de ĐINH CÔNG-CHƯỚC, les habitants du vallon ayant réussi à capturer cet animal « qu'on dit à demi-divinisé par le fait de sa grosseur peu commune chez ses con-« génères, le mettent à mort. Sa chair réputée délicieuse, est livrée ensuite à la « consommation. La mère du roi ĐINH TIÊN-HOÀNG, attendant la fin du régal « auquel ce gibier extraordinaire a été servi, en ramasse les ossements jetés à « terre, et après les avoir soigneusement enveloppés les accroche à la toitre « de sa cuisine. Elle disait souvent à son fils : "Ce sont' là des ossements de « ton père" ».

Vua ĐINH TIÊN-HOÀNG sinh ra ở đồng *Sơn-thần*, là chỗ yên và vui, đồng ấy có nhẽ bây giờ cũng còn được danh giá vì có ông ấy sinh ra ở đấy. Lúc bé ông ấy vẫn ở trong đồng ấy. Bố ông ấy mất sớm lắm; ông ấy ở với mẹ và ở với chú là ông ĐINH GIỤC. Mẹ và chú cũng yêu mến ông ấy lắm, nhưng mà không hay nuông.

(*Còn nói theo nữa*).

Le Roi Đinh Tiên-hoàng était né dans le vallon calme et paisible de *Sơn-thần* (10), qui devrait être maintenant encore fier de sa naissance. Là toute son enfance s'écoula. De bonne heure, il perdit son père et il vécut seul entre sa mère et son oncle, Đinh Giục (11). Tous les deux aimaient beaucoup le pauvre orphelin, mais leur affection n'allait pas jusqu'à la faiblesse.

(A suivre).

---

(10) *Sơn-thần* 山神 (Génie des montagnes). D'après certains historiens, ce vallon s'appellerait aussi 花閭 (Village Fleuri) et serait situé actuellement dans le huyện de *Gia-viễn*, province de Ninh-bình (Tonkin).

(11) Đinh Giục 丁毓.

2. — TA PHẢI NÊN TRANG SỨC TRONG MÌNH.

Người ta ai cũng biết lấy mình làm quí hóa và muốn cho được sung xướng; nhưng mà nhiều người chỉ tưởng nghĩ việc trang sức đồ ăn mặc cho đẹp cùng lấy dáng lấy điệu mà thôi.

Ít người biết rằng muốn cho mình được sung xướng, thì phải có thông thái và nết na mới được.

Kẻ ngu dốt ăn ở xằng xịt, dầu có mặc những quần áo đẹp, thì cũng chẳng ai ưa.

Nếu muốn cho mình được danh giá, thì phải gắng sức học hành, ăn ở cho phải đạo, và làm những việc hay. Chớ có ghen ghét ai, hễ biết mình có điều lỗi gì, thì phải sửa ngay, đừng có ngần ngại.

Hễ mà ăn ở được như thế, thì ai cũng yêu cũng trọng. Và mình thì cũng được tốt đẹp hơn những kẻ trang sức bề ngoài biết là chừng nào!

2. — ORNONS NOTRE ESPRIT.

Chacun cherche à rendre sa personne illustre et veut être heureux, mais beaucoup ne songent qu'à orner leur corps de beaux vêtements et de belles apparences.

Peu savent que pour vivre heureux, il faut une bonne instruction et une bonne conduite.

L'homme ignorant et vicieux a beau s'habiller de riches vêtements, personne ne l'estime.

Si vous voulez vous illustrer, efforcez-vous de vous instruire, remplissez tous vos devoirs, faites de bonnes actions, ne haïssez personne, et n'hésitez jamais à vous corriger de vos défauts.

Si vous agissez de la sorte, vous serez aimés et respectés de tout le monde. Et vous serez aussi cent fois plus beaux que ceux qui ne se sont embellis qu'extérieurement.

3. — BAI KHUYÊN HỌC TRÒ (1).

Canh gà đèn sách khoảng mười niên,
十年燈火五更鷄
Lúc ấy gì hơn dựng chí riêng.
正是男兒立志辰
Còn bé nếu không chăm sớm học,
黑髮不將勤斈早
Đến già mới tiếc trước nên chuyên.
白頭始悔讀書遲
Trạng-nguyên vốn cũng người trong thế,
狀元本是人間子
Tể-tướng không là cháu thượng-thiên.
宰相原非天上兒

(1) Bài này là một bài khai bút.

3. — CONSEILS À UN JEUNE ÉTUDIANT (1).

Durant l'espace de dix ans, de longues veilles d'études, marquées par le chant du coq,

C'est là le but de toute l'activité des jeunes gens persévérants.

Si pendant que les cheveux sont noirs, on ne s'applique pas à ses études,

On s'en repentira en vain quand la tête sera blanchie.

Le *Trạng-nguyên* (2) est né de parents mortels,

Et le *Tể-tướng* (3) n'était pas un enfant descendu du ciel.

---

(1) En Annam, comme en Chine, à l'occasion du nouvel an, les lettrés ainsi que les étudiants bénissent leur pinceau en composant une pièce de vers qu'on appelle *Thơ khai-bút* (vers ouvrant le pinceau) ou *Tân-xuân-thí-bút* 新春試筆 (commencer à se servir de son pinceau au nouveau printemps).

Le poème dont nous donnons ci-dessus la traduction est un de ces *Thơ khai-bút*. Il est composé exprès par un professeur de l'antiquité pour ces jeunes élèves, encore incapables de faire quelque chose d'après leur propre pensée.

(2) *Trạng-nguyên* = 狀元. Ce grade universitaire suprême n'existe plus sous la dynastie régnante. Les lettrés qui ont été investis de ce titre sous les dynasties précédentes sont pour la plupart très célèbres, par leur subtilité et leur érudition, auxquelles tous les Annamites rendent encore hommage.

(3) Ces fonctions étaient de création chinoise antique. Elles sont inconnues chez nous. En Chine, au temps jadis, le *Tể-tướng* = 宰相 était le mandarin civil suprême avec les pouvoirs les plus étendus et le *Đại-tướng* = 大將, le mandarin militaire le plus élevé en grade, le généralissime unique des Troupes Impériales, sous le contrôle limité de l'Empereur.

Hãy mở sáu kinh (2) mang gắng đọc,
好把六經須彊讀
Ắt thần áo tiá (3) chấm đầu tên.
朱衣自有點頭期

---

(2) *Sáu kinh* là những kinh này : kinh *Dịch* 易, kinh *Thư* 書, kinh *Thi* 詩, kinh *Lễ* 禮, kinh *Nhạc* 樂, kinh *Xuân-thu* 春秋. Bây giờ chỉ có năm kinh mà thôi, bởi vì kinh *Nhạc* đã mất đi từ đời vua THỦY-HOÀNG nhà *Tần* ở bên Tàu, tức là bên nước Nam, đời vua TRIỆU VŨ-ĐẾ.

(3) Truyện *thần-áo-tia* là thế này : « Ngày xưa ở bên Tàu có ông ÂU DƯƠNG-TU 歐陽修, là người hay chữ lắm, lúc ông ấy đi chấm trường thấy có một ông thần mặc áo đỏ đứng trước mặt ông ấy, và thỉnh thoảng ông ta đương chấm bài thi thì ông thần lại gật đầu xuống. Ông ta biết rằng ông ta chấm đến những chỗ nào mà ông thần gật đầu thế là những chỗ hay cả, bèn lấy bút son điểm khuyên nhiều vào những chỗ ấy. Đến sau ông ta xem lại thì quả nhiên những chỗ ấy là chỗ đáng khuyên thật, và các quyển ấy đều đỗ cả.

Vì thế ông ÂU DƯƠNG-TU mới đặt hai câu thơ rằng :

文章自古無憑據
但願朱衣暗點頭

Nghĩa là : « *Văn chương từ xưa không có bằng cứ,*
Chỉ mong ông thần áo tia gật đầu thầm (cho tôi biết) ».

Prends les *Six livres* (4) et lis-les avec courage,

Alors ne sera pas lointain le jour où l'Homme vêtu de rouge (5) soulignera tes compositions par des signes de tête.

---

(4) Les *Six livres* ou *Lục-kinh* = 六經 de Confucius, philosophe le plus parfait chez les peuples extrême-orientaux, sont, à savoir : les *Dịch* = 易 (livre des Changements) ; le *Thư* = 書 (Paroles et Actions des Sages antiques) ; les *Thi* = 詩 (Poésies antiques) ; les *Lễ* = 禮 (Rites) ; le *Nhạc* = 樂 (Musique) ; le *Xuân-thu* = 春秋 (Histoire de *Lỗ* 魯). L'étude de ces livres demande une réflexion profonde et étendue. Le moindre mot, la plus petite phrase expriment une longue pensée et leur sens ne peut être arrêté sainement qu'après un vaste travail de réflexion, en raison de l'imprécision de leurs acceptations ou de leurs significations. — Les *Quatre livres* (*Tứ-thư* = 四書), ou *Tứ-truyện* = 四傳), œuvres des disciples du philosophe, sont : le *Luận-ngữ* = 論語 (Commentaires et Conversation) ; le *Mạnh-tử* = 孟子 (Mencius) ; le *Trung-rong* = 中庸 (l'Invariable milieu) ; le *Đại-học* = 大學 (Grandes Etudes ; Politique). Ces quatre livres et les cinq premiers (le *Nhạc* étant disparu depuis longtemps) sont la base de toutes nos bibliothèques familiales et constituent le domaine où s'agite l'esprit de nos lettrés.

(5) C'est-à-dire le jour où tu seras reçu aux examens littéraires. Allusion à une anecdote suivante recueillie dans le « *Ấu-học-tầm-nguyên* » 幼學尋源 :

Jadis ÂU DƯƠNG-TU = 歐陽修, littérateur chinois réputé, lorsqu'il présidait à un Concours de lettrés, en examinant les compositions des candidats, voyait debout devant lui un génie habillé de rouge, qui courbait la tête chaque fois que l'examinateur arrivait à certains passages. Comprenant que ces signes de tête étaient des marques d'approbation, ce dernier, avec son pinceau d'encre rouge, prodiguait à ces passages de nombreux cercles et points (signes d'approbation). A la fin, quand il les revoyait, il les trouvait vraiment dignes d'éloges et leurs auteurs étaient tous reçus.

C'est à cette occasion que ÂU DƯƠNG-TU composa les deux vers suivants :

文章自古無憑據 | 但願朱衣暗點頭

« Depuis l'antiquité, la littérature manque de preuves nécessaires à son jugement exact.

« J'espère seulement que l'Homme vêtu de rouge voudra bien me donner des signes de tête (chaque fois que je suis chargé d'apprécier les compositions des candidats) ».

4. — TRUYỆN VUA ĐINH TIEN-HOANG CÒN BÉ *(Bài nối)*.

Lúc còn thật bé, vua ĐINH TIÊN-HOÀNG cũng đã có trí khí cao nhớn lắm, và có nhiều bận ông ấy đã tỏ ra ý muốn làm những sự to nhớn quá thể.

Có một hôm ông ấy chơi với những bạn trẻ con, chúng nó thấy ông ấy là người bạo dạn, đặt ông ấy lên làm tướng. Ông ấy bảo những trẻ con khoanh tay giả làm kiệu để rước ông ấy đi chơi. Chúng nó lấy những tàu lá to giả làm tàn để che cho ông ấy khỏi náng. Trước mặt và sau lưng ông ấy thì có những trẻ đi từng hàng dài có thứ tự, mang những cây sậy có tua giống như cờ tuyết mao, và một toán đông thì giả làm phường bát âm thổi kèn đánh trống rầm rĩ, vì những trẻ con hay thích thế. Tất cả lũ trẻ ấy đi thong thả bước một, giữ gìn cho khỏi lộn nhộn và cho thật tĩnh mạc.

Ông BỘ-LĨNH, nghiêm trang và nghi vệ, đi dong chơi như thế khắp cả trong làng. Như đám rước giả làm vua ngự giá dong chơi như thế, cũng đã đủ hiểu là ông ấy bé mà đã có trí cao nhớn rồi.

Ông BỘ-LĨNH đã có trí nhớn thế, mà lại là người thật can đởm, bạo dạn khác thường và hay thích chơi những sự phóng khoáng từ thủa bé. Ở làng bên cạnh có những trẻ hay đánh nhau lắm, có một hôm chúng nó kéo đến một lũ để trêu ghẹo ông ấy. Ông ấy giận lắm bèn hội các bạn trẻ của ông ấy lại, cho chúng nó cầm tre cầm sậy, rồi

4. — L'ENFANCE DU ROI ĐINH TIÊN-HOÀNG *(Suite)*.

Tout jeune encore, Đinh Tiên-hoàng était déjà fort ambitieux et en diverses circonstances il laissa entrevoir ses rêves grandioses.

Un jour il s'amusait avec ses petits camarades, qui, admirant son courage, l'avaient pris comme chef de leur groupe. Il se fit transporter par eux sur une chaise que ses camarades avaient faite en s'entrecroisant les bras. Pour l'abriter contre le soleil, on avait pris comme parasols de larges feuilles d'arbres. Devant et derrière lui marchaient en ordre de longues files de porteurs de roseaux semblables avec leurs panaches à des oriflammes; un groupe serré de petits musiciens jouaient des airs bruyants comme l'aime l'enfance. Tout le monde marchait à pas lents, observant un ordre irréprochable et un calme parfait.

Le jeune Bộ-lĩnh, grave et majestueux, se promena ainsi dans tout le village. Cette procession, parodie des promenades royales, témoignait déjà la grande ambition de son petit organisateur.

A cet amour des grandeurs, Bộ-lĩnh joignait une bravoure chevaleresque, une audace peu commune et une recherche des aventures qu'il montra dès sa jeunesse. Des enfants très batailleurs d'un village voisin du sien vinrent un jour en nombre lui chercher querelle. Furieux, il rassembla ses camarades, les arma

kéo cả đi đánh những đứa trẻ kia. Những đứa trẻ kia, cũng cầm các đồ khí giới ấy và cậy mình rằng khỏe hơn cùng đông người hơn, chực sẵn để đánh lại bọn ông ấy.

(Còn nói theo nữa).

---

de bambous et de roseaux et les dirigea contre ses ennemis. Les adversaires, porteurs des mêmes armes et confiants dans leur force et dans leur nombre, étaient prêts à les recevoir, lui et ses compagnons.

(A suivre).

---

5. — TRUYỆN NGƯỜI NƯỚC TỀ..

Ngày xưa ở nước Tề (bên *Tàu*) có một người có hai vợ: một vợ cả và một vợ lẽ.

Anh ta quanh năm chỉ ở nhà luôn, chẳng hề có chơi bời quen thuộc với ai.. Thế mà bận nào đi ra khỏi nhà, lúc giờ về cũng thấy ra dáng như một người đã đi ăn tiệc về.

Người vợ cả thấy thế lấy làm lạ lắm, một hôm mới hỏi chồng rằng: « Ai hay hậu tình mà cứ năng thết đãi mình luôn thế? » Anh ta nói là vì anh ta vẫn được những ông giàu có và sang trọng nhất ở trong nước năng mời anh ta luôn.

Người vợ cả nghe thấy chồng nói thế thì không tin, mới bàn truyện với vợ bé rằng: « Bận nào chồng ta đi chơi khỏi nhà, lúc giờ về cũng thấy ra dáng n hưngười no say. Như thế thì tao lấy làm lạ lắm. Tao đã hỏi chồng ta rằng ai hay thết đãi như thế, thì nói là tinh những người thật giàu sang cả, mà là những người vẫn bè bạn với chồng ta. Nhưng mà tao không biết làm sao nhà chúng ta không thấy các ông sang trọng như thế lại chơi bao giờ? Tao định lúc nào chồng ta ở nhà đi thì tao lén đi để dò xem chồng ta hay đi ăn uống ở nhà ai. »

Đến sáng hôm sau, người vợ cả có ý thế mới giạy sớm, và đến lúc chồng ở nhà đi thì chị ta cũng lẻn đi theo, mà anh ta không biết.

5. — HISTOIRE DE L'HOMME DU PAYS DE TÊ.

Jadis, au pays de TÊ (*Chine*), vivait un homme qui avait une femme légitime et une concubine.

Il s'enfermait toujours chez lui et n'avait que peu de connaissances. Mais quand il lui arrivait de sortir, il rentrait chaque fois dans sa maison avec l'air d'un homme qui sort d'un festin.

Voyant cela, sa première femme, très étonnée, lui demanda un jour : « Qui est le bon ami qui te régale si fréquemment ? » Il lui répondit qu'il était souvent l'hôte des personnages les plus riches et les plus honorables du pays.

Sa femme n'ajouta pas foi à ces paroles et dit à la concubine : « Chaque fois que notre mari fait une promenade hors de notre logis, il rentre avec l'air d'un homme qui a bien dîné. Cela me surprend énormément. Je l'avais prié de me faire savoir qui le régale ainsi, il m'a répondu que ce sont les personnes les plus considérables du pays, ses amis. Mais je me demande pourquoi notre humble paillotte n'a jamais eu l'honneur d'être visitée par de tels hôtes ? J'ai résolu de suivre secrètement notre mari quand il sortira de chez nous, afin de connaître qui le reçoit à table. »

Dans ce but, elle se leva le lendemain matin de bonne heure et suivit son mari dès son départ de la maison, sans que celui-ci le sût.

Anh ta cứ thui thủi cắm đầu mà đi bước thật mau, đi khắp cả vùng ấy cũng chả thấy ai chào anh ta. Người vợ theo mãi cũng chả thấy ai hỏi han gì anh ta, mà cũng chả thấy ai đứng lại mà nói truyện mấy anh ta một nhời nào.

Rồi sau thấy anh ta đi giế tất vào một nơi hình như chỗ bãi thao ma. Anh ta mới sán vào đám người ta lễ tạ mả. Anh ta mới hỏi xin lấy mấy giọt riệu thừa và mấy miếng thịt vét mà người ta ăn uống còn bỏ lại. Anh ta ăn uống những đồ thừa ấy ở đấy xong rồi, lại tất tả đi chỗ khác để xin nữa.

Bấy giờ người vợ mới biết rằng chồng hôm nào về mà cũng khoe khoang rằng những bạn phú quí hay thết đãi, là tại đi ăn xin như thế. Chị ta bèn lộn về kể truyện với vợ lẽ các việc mình đã dò được như thế, và than thở với nó rằng: « Chúng ta vẫn tưởng được trông cạy vào chồng, nhưng mà bây giờ thì thôi ta đừng trông mong vào chồng ta nữa. Thật là xấu hổ cho chúng ta quá, và chúng ta chả còn trông mong gì chồng ta được nữa. »

Rồi người vợ cả khóc lóc thảm thiết cùng cả người vợ lẽ nữa. Cả hai người vợ than thở và hỏi nhau rằng: không biết làm sao chồng ta đến nỗi phải lam lũ đê tiện như thế?

Đến tối, người chồng về nhà no say, lại cứ hớn

Son mari marchait la tête baissée et à pas pressés, parcourant toute la région sans être salué par personne. Pendant tout le long parcours, elle ne voyait personne qui adressât à son mari la moindre parole ou qui s'arrêtât pour causer avec lui.

Enfin son mari se dirigeait vers un terrain vague qui servait en quelque sorte de cimetière. Il approcha alors d'un endroit où l'on s'assemblait pour accomplir une cérémonie funèbre. Il mendia quelques gouttes d'alcool et quelques hachées de viande restées après le repas des funérailles. Après les avoir avalées, il se hâta d'aller ailleurs pour mendier encore quelque chose.

La femme sut alors à quoi s'en tenir au sujet des connaissances illustres dont son mari se vantait. Elle retourna sur ses pas, fit part à la concubine de sa découverte et lui dit en soupirant: « Nous croyions toujours pouvoir fonder des espérances sur notre mari, mais maintenant n'y comptons plus. Décidément c'est honteux pour nous et nous ne pouvons plus rien attendre de lui. »

Puis elle pleura amèrement, ainsi que la concubine. Toutes les deux se plaignaient et se demandaient pourquoi leur mari était poussé à une telle conduite aussi répugnante.

Au soir, le mari rentra ivre et rassasié et se venta

hờ khoe khoang như mọi khi rằng mình được đi lại với những người giàu sang. Anh ta vẫn chưa biết rằng điều xấu hổ của anh ta thì hai vợ nó đã tỏ cả rồi.

Nói khoác thì người ta hay sinh ra lòng không tin.

Kẻ nào hay luồn cúi khúm đúm để cho được thỏa lòng rục mình, thì ai ai cũng khinh dể, và đến những vợ con anh em thì cũng chẳng ai ưa.

---

comme d'ordinaire de ses belles relations. Il ignorait que la vérité, honteuse pour lui, était déjà connue de ses deux femmes.

La vantardise inspire la méfiance.

Celui qui s'abaisse pour satisfaire ses passions est méprisé de tous et délaissé par les siens.

---

6. — CÁCH ĂN Ở TRONG ANH EM HỌ HÀNG.

Cùng một cha mẹ sinh ra, anh em và chị em là thân thiết lắm. Vậy anh em hay là chị em, dẫu cùng cha khác mẹ, cũng nên hòa thuận với nhau luôn.

Ngày xưa, anh em người họ ĐIỀN chia gia tài với nhau, mà cây hoa ở ngoài sân tự nhiên thấy héo đi. Đến khi lại xum họp cùng ở với nhau một nhà, thì thấy cây hoa ấy lại tươi tốt như cũ.

Lại có ông TRƯƠNG CÔNG-NGHỆ ở đời nhà *Đường*, anh em họ hàng cả thẩy hơn hai trăm người, cùng ở chung với nhau một nhà, mà không ai tranh giành ghen ghét gì ai.

Khi ấy tiếng khen lừng cả trong nước, và tiếng các ông ấy vẫn còn đến tận bây giờ.

Lúc bấy giờ, vua CAO-TÔN nghe thấy thế, có một ngày mới ngự giá lại chơi nhà ông ấy và hỏi ông ấy rằng :

— « Ngươi làm thế nào mà tất cả anh em con cháu nhà ngươi cùng ăn ở với nhau được hòa thuận như thế? »

6. — LA VIE FAMILIALE.

Les enfants d'une même famille, c'est-à-dire les frères et les sœurs, sont de très proches parents ; ils doivent être bien d'accord ensemble, même s'ils sont du même père mais de mères différentes.

Autrefois, lorsque les frères de la famille de ĐIỀN se partagèrent leur héritage, l'arbre à fleurs, qui se trouvait dans la cour de leur habitation, flétrit brusquement. Quand ils se réunirent de nouveau sous un même toit, l'arbre reprit sa verdure naturelle.

Il y avait encore sous la dynastie des *Đường* un homme du nom de TRƯƠNG CÔNG-NGHỆ, dont les descendants, au nombre d'environ deux cents personnes, vivaient ensemble dans une même maison, sans dispute ni jalousie.

Leur réputation se répandait dans tout l'empire, et leur nom vit encore jusqu'à présent.

A cette époque, l'Empereur CAO-TÔN, qui avait entendu cela, alla un jour chez lui pour lui rendre visite :

— « Comment vous y prenez-vous, lui demanda-t-il, pour que toute votre famille puisse ainsi vivre en concorde ? »

— Ông ấy tâu rằng: « Chúng tôi chỉ biết nhường nhịn nhau mà thôi. »

Vua bèn ban cho ông ấy một quả lê để thử xem ông ấy làm ra thế nào.

Ông TRƯƠNG CÔNG-NGHỆ lĩnh lấy qu ảlê, bỏ vào một cái nồi đầy nước và nấu cho rõ thật chín lên.

Rồi sau ông ấy chia cho cả họ hàng mỗi người một chén nước ninh lê ấy, như thế thì tất cả trong họ ai ai cũng được hưởng quả lê của vua ban cho.

Vua khen ông ấy khéo ăn ở và ban cho của cải nhiều lắm.

Trong anh em họ hàng phải nên nhường nhịn và khiêm tốn; với ai cũng phải nên ăn ở cho thân thiết.

Hễ được như thế thì là được sung xướng.

— « Nous sommes patients les uns envers les autres », répondit-il à son interlocuteur.

L'Empereur lui donna alors une poire pour voir ce qu'il allait en faire.

Trương Công-nghệ accepta le fruit, le glongea dans une marmite pleine d'eau, et le fit bien cuire.

Il distribua ensuite une tasse de ce bouillon à chacun des membres de sa nombreuse famille, qui tous participèrent ainsi au cadeau impérial.

Le Souverain le félicita de cette manière d'agir et le combla de biens.

Avec tous les membres de votre famille, soyez patients et modestes ; traitez-les tous avec affection.

En agissant de la sorte vous vivrez heureux.

---

7. — TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG CÒN BÉ *(Bài nối).*

Tức thì hai toán trẻ đánh nhau trong một chỗ khuất nẻo và thanh vắng ở đồng *Sơn-thần.* Trận đánh ấy hăng lắm, có đứa thì bị thương, đứa thì khóc, đứa thì reo, có những tre gẫy và những sậy vỡ ra từng mảnh. Đánh nhau lâu lắm, vì toán trẻ đằng ông Bộ-LĨNH, dầu ít người nhưng mà cũng cứ cố sức chống lại. Có một lúc toán trẻ đằng kia nó đánh mạnh lắm đến nỗi ông Bộ-LĨNH phải ngã xuống đất, và quân ông ấy phải lùi lại chực sắp chạy trốn.

Nhưng mà ông ấy đứng giạy giận lắm, như một người sắp ra khai cuốc mà phải một trận thua thì xấu hổ đến chết đi được, ông ấy lại hội quân lại và tay cầm một thanh tre, cả gan nhất định xông vào đánh những đứa kia.

Những đứa kia không ngờ đâu thế bèn sợ thất kinh, phải lùi về và chạy trốn. Vì được thắng trận thế, cho nên ông Bộ-LĨNH cùng những quân ông ấy nức lòng đuổi mãi những đứa trẻ đã đánh ông ấy và bắt chúng nố phải từ tạ.

Chẳng bao lâu thì tất cả những trẻ con ở vùng ấy đứa nào cũng biết ông Bộ-LĨNH là người can đởm. Chúng nó sợ và trọng ông ấy thì ông ấy lấy làm thích lắm.

Cũng có mấy đứa nó ghen ông ấy và nhiều đứa

7. - L'ENFANCE DU ROI ĐINH TIÊN-HOÀNG (*Suite*).

La lutte s'engagea aussitôt entre les deux troupes d'enfants dans un coin sombre et silencieux du vallon de *Sơn-thần*. Elle fut acharnée et il y eut des blessés, des pleurs et des cris, des bambous brisés et des roseaux en pièces. La bataille dura longtemps, grâce à la résistance opiniâtre des camarades de BỘ-LĨNH, quoique très inférieurs en nombre. Un instant même, ses adversaires le frappèrent si fort que BỘ-LĨNH fût renversé sur le sol et que sa troupe recula, prête à prendre la fuite.

Mais lui, se relevant furieux, en futur conquérant pour qui un échec était un affront mortel, rassemble de nouveau ses partisans et, un bambou à la main, avec audace et résolution, se jette sur ses adversaires.

Ceux-ci, surpris et terrifiés, reculent et prennent la fuite. Suivi des siens, excité par son triomphe, il poursuit activement ceux qui l'avaient attaqué et les force à demander grâce.

Le courage du petit BỘ-LĨNH fut bientôt connu de tous les enfants de la région. On le redoutait et il était l'objet de marques d'admiration qui flattaient beaucoup son orgueil.

Il excita aussi la jalousie de certains et le nombre

nó dám chống lại với ông ấy. Nhưng mà ông ấy đánh được tất cả, chẳng phải thua đứa nào bao giờ.

Ông ấy cứ đua ganh luôn với những trẻ khác như thế, hóa ra ông ấy thành ra người hay đánh nhau, và vì ông ấy là người vô địch cho nên những kẻ nghịch lại với ông ấy nghe thấy tiếng ông ấy cũng đủ run sợ và phải dần dần lại hàng phục cả.

Đến sau không còn ai dám chống lại với ông ấy nữa, ông ấy thành ra là tướng tất cả những trẻ con hay đánh nhau ở trong sứ ấy: bọn ông ấy thật là đông.

(Còn nối theo nữa).

fut grand de ceux qui osèrent se mesurer avec lui. Mais il les battit tous sans être jamais vaincu.

Ainsi toujours en rivalité avec autrui, il devenait très belliqueux et comme il était invincible, son seul nom suffisait à faire trembler ses rivaux qui durent peu à peu se soumettre à lui.

A la fin, personne ne lui résistait plus et il était devenu le chef de tous les enfants batailleurs de son pays : sa troupe n'était pas peu nombreuse.

(A suivre).

---

8. — TRUYỆN KE HAY KHOE MÌNH.

Có một ngày, một con chim trả đạu ở trên cây cao nói một câu thế này với một đàn chim trích :

« Các anh có biết thứ chim nào mà đẹp hơn tôi nữa không? Như mùi gấm mùi vóc trông đã là đẹp, thế mà sắc lông tôi trông lại còn đẹp hơn nhiều. »

Các con chim trích thấy con chim kia kheo nói thế lấy làm phải lắm, và đáp lại với nó rằng nó thật là đẹp hơn cả các loài chim khác.

Vì thấy nó đẹp thế, hôm nào những con chim trích cũng đi kiếm môi về rỉa mổ sẵn sàng, rồi đem đến để thết đãi nó.

Có một ngày giời u ám sắp mưa, những con chim trích buồn rầu và hay lo xa, mấy bàn định với nhau rằng: phải đi kiếm đồ ăn về mà để tích sẵn, để giời có mưa xuống, thì mới có cái mà ăn.

Con chim trả nghe thấy những điều các con chim kia bàn định. Nó chắc trong bụng rằng nó sẽ được cung phụng như mọi khi, bèn cứ hớn hở đạu yên ở trên cành cây.

8. — LE VANITEUX.

Un jour, un martin-pêcheur, posé sur un arbre élevé, tenait ce langage à un groupe de poules sultanes :

« Connaissez-vous un oiseau qui soit plus beau que moi ? Moi, j'ai un plumage dont la splendeur surpasse les belles couleurs du brocart et du damas. »

Devant ces paroles éloquentes, toutes les poules se laissèrent persuader et lui répondirent que sa beauté était vraiment supérieure à celle de tous les oiseaux.

Pour lui payer leur tribut d'admiration, elles le régalaient journellement avec des mets préparés selon le mode culinaire des oiseaux.

Un jour où le temps menaçait et la pluie allait tomber, les poules sultanes, soucieuses et prévoyantes, délibérèrent entre elles et décidèrent qu'il fallait amasser des provisions pour avoir de quoi vivre pendant le mauvais temps.

Le martin-pêcheur connaissait la délibération de ses admirateurs. Il croyait fermement qu'il serait régalé comme d'ordinaire, et d'un air heureux et confiant, se perchait tranquillement sur la branche d'un arbre.

Được một chốc giời đổ mưa xuống, và cứ mưa mãi luôn hai ba ngày chưa tạnh, mà giời xem như còn muốn mưa lâu nữa.

Ở đâu lại có một con chim vàng-anh bay lại tìm chỗ cây khuất mưa để đậu, và đứng ngay vào cái cây mà anh chim trả ta và đàn chim trích đậu; rồi hót hay lắm, các con chim trích lấy làm lạ mấy nhẩy ra xem rằng con chim gì mà lại hót hay hơn con chim chúng nó vẫn lấy làm thích xưa nay như thế.

Chúng nó thấy rằng con chim trả của chúng nó còn kém con chim vàng-anh xa lắm, kém cả màu lông và kém cả tiếng hót.

Bấy giờ chúng nó mới đem đồ ăn tích của chúng nó lại thết con chim vàng-anh, để cho con chim vàng-anh biết rằng chúng nó bằng lòng nó lắm, mà không cho anh chim trả ta một miếng nào nữa.

Vì thế con chim hay khoe khoang phải nhịn đói. Nó thở dài và phàn nàn là tại nó đã khoe mình quá. Rồi nó nghĩ trong bụng rằng: « Nếu trước ta không khoe mình quá thì bây giờ những con chim trích nó vẫn cho ta ăn, và ta khỏi phải nhịn đói cực khổ thế này. »

Trong bài này người ta có câu tổng luận rằng: Những kẻ kiêu ngạo vẫn nghĩ rằng không có người nào bằng mình; mà những kẻ ấy chẳng biết rằng còn nhiều người hơn mình.

Un instant après il commençait à pleuvoir et la pluie durait, sans discontinuer, deux ou trois jours et menaçait de durer encore longtemps.

Le hasard voulut qu'un beau et petit loriot, volant à la recherche d'un arbre qui le préservât de la pluie, se posa sur le même arbre qui abritait notre martin-pêcheur et les poules sultanes ; il chanta si bien que ces dernières, étonnées, allaient voir quelle était la bestiole qui, par sa voix, surpassait l'oiseau qu'elles admiraient.

Elles purent constater alors que leur martin-pêcheur était de beaucoup inférieur à ce loriot, tant au point de vue du plumage que du ramage.

Et elles apportèrent leurs approvisionnements à celui-ci pour lui témoigner leur contentement, sans donner au pauvre martin-pêcheur détrôné la moindre becquée.

Et l'oiseau vaniteux avait grand'faim. Il soupirait et regrettait amèrement de s'être trop vanté:

« Si je ne m'étais pas trop flatté, pensait-il, ces poules sultanes auraient continué à me donner à manger, et la faim ne me torturerait pas. »

De cette fable on tire la conclusion suivante: Les orgueilleux croient que personne ne leur est pareil; ils ignorent qu'ils sont surpassés par beaucoup d'autres.

9. — TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG CÒN BÉ (*Bài nôi*).

Có một ngày ông ấy định thết tiệc những trẻ cùng bọn với ông ấy, và nhân được lúc mẹ và chú ông ấy là ông ĐINH GIỤC đi vắng, ông ấy bèn đưa những đứa trẻ ấy về nhà [1].

Tức thì nhà ông ấy trông như là trại quân đóng, và người làm lụng đi lại đông như kiến. Đứa thì xoay ngay ra làm đồ-tể, bắt lợn ở chuồng ra để trói lại, chọc tiết, cạo lông rồi pha ra từng đành. Cũng một lúc ấy đứa thì đi kiếm củi, kiếm rạ, chặt tre, và nhặt nhạnh lấy các đồ để đun nấu thịt lợn, rồi thì sấm

---

(1) Theo trong sách « *Dã-sử* » thì vua ĐINH TIÊN-HOÀNG hội những trẻ ở ngoài đồng, chứ không phải là hội tại nhà ông ấy như trong sách « *Đại-việt-sử-ký* » chép. Sách « *Dã-sử* » chép rằng lúc vua ĐINH TIÊN-HOÀNG còn bé vẫn hay đi chăn trâu ngoài đồng ở đồng *Sơn-thần*, trong đồng ấy có nhiều trẻ lắm, và những trẻ chăn trâu chăn bò cũng đông lắm. Ngày nào ông ấy đi chăn trâu thì cũng chơi với những lũ trẻ ấy, chúng nó hay đánh nhau lắm và ông ấy thì vừa tài vừa khôn cho nên chúng nó vẫn lấy ông ấy làm tướng. Có một hôm ông ấy muốn làm tiệc khao quân, nhân có một con trâu của chú ông ấy sai đi chăn, ông ấy mới giắt đến một chỗ thật xa và rủ cả các bạn trẻ kéo đến đấy, rồi làm thịt con trâu ấy để ăn. Ông ấy sợ rằng chú biết thì tất là phải đòn phải mắng, bèn lập mưu nói dối chú để cho khỏi phải đòn : Lúc làm thịt trâu, ông ấy giữ lấy cái đuôi lại, để đến lúc ăn uống xong và những trẻ đã tan đi cả rồi, thì ông ấy mới lấy cái đuôi ấy cắm rõ thật chắc vào khe đá, rồi chạy về nhà nói với chú rằng con trâu nó đã chui vào chỗ lỗ nẻ rồi. Ông chú lật đật chạy ra cho mau thì thấy chỉ còn cái đuôi ở trong khe đá thò ra mà thôi ; ông chú kêu lên rằng khốn nạn trâu đã chẹt ở trong khe đá mất rồi, bèn vội vàng nắm lấy cái đuôi cố sức lôi nó ra, thì thấy cái đuôi đứt ra, tưởng rằng con trâu đã chết chẹt thật ở trong khe đá ấy rồi.

Vì có truyện ấy cho nên bây giờ hễ khi nào người ta có cái gì mà kẻ khác ăn mất hay là lấy mất rồi, thì người ta nói rằng « *Đá vào lỗ nẻ rồi* », nghĩa là thật mất rồi, chả còn trông mong lấy lại được nữa.

9. — L'ENFANCE DU ROI ĐINH TIÊN-HOÀNG *(Suite).*

Un jour, il résolut de régaler ses amis [1] et profitant pour cela de l'absence de sa mère et de son oncle ĐINH GIỤC, il les conduisit chez lui.

Sa maison donna bientôt l'impression d'un camp et d'une fourmilière. Les uns s'improvisant bouchers, enlevèrent les porcs des étables pour les garotter, les égorger, les épiler, les mettre en pièces. En même temps, d'autres cherchaient du bois, de la paille, coupaient des bambous, ramassaient le combustible nécessaire à la cuisson du porc; enfin on se procurait du vin, du sel et divers condi-

---

(1) A ce sujet, nous citons à titre de renseignement un passage du « *Dã-Sử* »:

« .... ĐINH BỘ-LĨNH est à la tête d'un groupe nombreux d'enfants batailleurs du vallon. Ces derniers sont pour la plupart des gardiens de bestiaux et c'est en leur compagnie que le futur roi fait paître chaque jour le buffle de son oncle. Un jour, il veut régaler ses camarades, au milieu d'un champ fort éloigné de son habitation. A cette occasion, il fait égorger le buffle qui lui a été confié. Les châtiments que son oncle lui infligera pour cette impudence sont inévitables. BỘ-LĨNH s'ingénie pour les éviter. Il conserve la queue de l'animal tué et la plante solidement dans la fente d'un rocher. Puis il court chez lui et trompe son oncle en l'avertissant que le buffle s'y est laissé enfoncer. Ce dernier, crédule, se rend immédiatement sur les lieux et constate avec stupéfaction qu'en effet tout le corps de l'animal s'est déjà englouti dans ce rocher mais que sa queue reste encore au dehors! Vite, de toutes ses forces, il la tire du rocher dans l'espoir de sauver l'animal. Mais quel malheur! cette queue s'est coupée!... »

C'est de ce fait que prendrait son origine l'expression vulgaire « *Đã vào lỗ nẻ rồi* » (*déjà entré dans la fente d'un rocher*) qui veut dire qu'une chose est déjà consommée ou prise par quelqu'un.

riệu, sắm muối cùng các đồ gia vị; sắm bát đĩa, đũa và các đồ khác để làm tiệc. Chúng nó bầy cả các thứ ấy ra ngoài sân nhà, bừa bãi những than cùng củi đốt lên để đun thịt. Khói um lên đến tận giời, và mùi thịt nướng thơm lừng cả chỗ chung quanh vắng người.

Tiệc sắm sửa rục sôi lên xùng xục, và vì rằng ai cũng nhanh nhẹn cho nên chóng xong ngay.

Những trẻ con bắt đàu ăn tiệc vui thích lắm, các đồ ăn lấy làm ngon lắm. Đang khi ra sức ăn uống và ai cũng chỉ mê về sự vui mừng, thì ông Đinh Giục, mà ông Bộ-lĩnh vẫn rất sợ, ở đâu bất thình lình về; lúc bấy giờ như là một tiếng sét ở trên giời đánh xuống, bởi vì chẳng ai ngờ như thế.

Những các cậu bé con sợ bỏ cả cỗ, và cậu nào cậu ấy chạy trốn cho mau. Lúc ấy thật là nhộn nhạo hết sức nhưng mà không lâu, bởi vì được một chốc thì trong nhà những trẻ tan đi hết cả.

(Còn nối theo nữa).

ments; des tasses, des baguettes et les autres usten siles indispensables pour un festin. On étala le tout sur la cour de la maison, parsemée de charbon et de combustibles embrasés sur lesquels cuisaient encore des morceaux de viande. La fumée montait jusqu'au ciel et l'odeur de la chair grillée se répandait dans tout le voisinage désert.

Les préparatifs du festin furent poussés avec une activité fébrile et grâce au zèle de tous, il fut bientôt prêt.

Joyeux, on commença la fête; les mets furent trouvés délicieux. On mangeait et on buvait tant qu'on pouvait, et on était tout à la fête lorsque ĐINH GIỤC, très redouté de ĐINH TIÊN-HOÀNG, rentra soudain; ce fut comme un coup de foudre au milieu du ciel bleu, car personne ne l'attendait.

Pris de peur, nos petits convives abandonnèrent le festin; chacun de s'enfuir au plus vite. Le tumulte était à son comble mais dura peu, car en un instant la maison fut complètement évacuée.

(A suivre).

10. — KHÔNG NÊN DU ĐANG.

Chẳng có sự gì vô ích hơn là sự du đãng.

Người la lúc còn trẻ tuổi, là lúc chưa phải lo nghĩ việc cửa việc nhà gì, thì phải chăm học, để ngày sau biết một hai tí ganh đua với đời. Nếu không làm như thế mà cứ ham chơi và vui thú vô ích, đến lúc nhớn lên không biết nghề nghiệp gì, thì chẳng có thể nào mà biết đường làm ~~đường~~ ăn được.

Lúc bấy giờ mới tiếc thủa trẻ, vạ lúc bấy giờ mới lại muốn đi học, nhưng mà không sao được nữa, vì lúc ấy đã quá đi rồi.

Cho nên chắc phải vất và khổ sở, bởi rằng những người làm biếng và những người ham chơi là ất phải thế cả.

10. — ENFANTS, N'AIMEZ PAS LE JEU.

Il n'y a rien qui soit plus inutile que le jeu.

Dans votre jeunesse, pendant que vous n'avez encore aucun souci de famille, vous devez étudier ardemment afin de vous préparer pour la lutte de la vie. Si vous ne le faites pas et si vous vous abandonnez à des amusements et à des distractions inutiles, vous ne connaîtrez aucun métier quand vous serez grands, et vous serez incapables de gagner votre vie.

Vous regretterez alors votre jeunesse et vous voudrez revenir à l'école pour travailler, mais vous ne pourrez plus, car ce sera trop tard.

Vous tomberez certainement dans la misère qui ouvre ses portes à tous les paresseux, ainsi qu'à tous ceux qui aiment le jeu.

---

11. — TRUYỆN ÔNG VƯƠNG HI, LÀ NGƯỜI NHÂN ĐỨC.

Ông Vương Hi, người ở huyện *An-định,* trước là con nhà thật nghèo; rồi sau ông ấy dần dần được nên giàu có lắm.

Ông ấy là người thật rộng bụng. Chẳng cứ ai, hễ có việc gì nhờ đến ông ấy, thì ông ấy cũng giúp đỡ cho cả.

Ông ấy cho ai cái gì cũng không có lòng tiếc. Cũng có khi ông ấy giúp cả những trâu bò và thóc lúa cho những người làm ruộng phải bấn túng.

Nhiều khi ông ấy nghĩ trong bụng rằng: «Nếu bây giờ mình có của mà không giúp cho kẻ nghèo, ngộ nay mai gập phải vận đen, của hết rồi thì dẫu mình có muốn giúp ai, cũng chẳng giúp được nữa.»

Con ông ấy là ông Vương-doãn-Thăng cũng là người nhân đức lắm.

Ông Vương-doãn-Thăng thường nói rằng: « Mình mà khoan hòa, thì tự nhiên làm cho người ta khuây giận. Mình mà nhún nhường, thì tự nhiên người ta không ai dám tranh cạnh với mình ».

11. — VƯƠNG HI, LE CHARITABLE.

VƯƠNG HI, habitant du huyện de *An-định,* était d'une famille très pauvre. Il avait acquis peu à peu une assez grande fortune.

C'était un homme très généreux. Il venait en aide à tous ceux qui avaient besoin de son secours.

Il n'éprouvait aucun regret en donnant quelque chose à son prochain. Il donnait même des buffles, des bœufs ou des grains aux cultivateurs nécessiteux.

Souvent il disait ceci en lui-même : « Si, pendant que je suis riche, je ne secours pas les pauvres, je n'aurai plus le plaisir de le faire le jour où, par une malchance, ma fortune aura été dissipée. »

Son fils, VƯƠNG-DOÃN-THĂNG, était également un homme très vertueux.

Il fit la réflexion suivante : « Quand on se montre affable, on apaise d'avance la colère d'autrui. A celui qui a de l'humilité, les autres n'oseront jamais chercher dispute. »

12. — TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG CÒN BÉ.

(*Bài nối và là bài cuối cùng*).

Ông Đinh Giục thấy những lợn đã làm thịt và đã ăn mất, thấy những mảnh sương và những miếng thịt thừa lại, thấy những vết tiết khắp cả và xét thấy đã hại vô kể, mà trong nhà đồ đạc thì tung toành bừa bãi, lấy làm giận lắm, bèn đi đuổi bắt ông Đinh Bộ-Lĩnh, thì ông ấy đã chạy trốn rồi. Ông chú cần phải đánh mắng cháu một trận rõ ra việc, để trừng trị sự nó đã nghịch bậy như thế. Đứa cháu sợ điên lên, vừa khóc vừa kêu, cố ra sức chạy đi trốn cho khỏi phải đòn.

Nhưng mà chạy cũng vô ích, vì ông chú đã sắp theo kịp; mà khi đứa cháu chạy vẫn kêu van đến một nghìn nhời, nhưng mà ông chú cũng mặc không nghe. Ông Đinh Giục tay cầm một thanh tre thật to, chực sẵn để đánh cháu, mà anh cháu tội cũng đáng đánh; ông ấy mặc kệ cả những nhời xin của mấy đứa trẻ bạn tên là Đinh Điền và Nguyễn Bặc, hai anh này cố xin mãi để ông ấy xá tội cho anh kia.

Chỉ một tí nữa thì anh kia không sao khỏi phải đòn được, vì còn cách chú chỉ có một thôi ngắn

12. — L'ENFANCE DU ROI ĐINH TIÊN-HOÀNG.

(*Suite et fin*).

Voyant ses porcs égorgés et dévorés, des fragments d'os, des lambeaux de chair, des taches de sang partout, après avoir considéré les dégâts sans nombre commis et le désordre amené chez lui, ĐINH GIỤC fut transporté de colère et se mit à la poursuite de ĐINH BỘ-LĨNH qui avait pris la fuite. Un châtiment exemplaire était nécessaire pour punir l'impudence de son petit neveu. Pour y échapper, ce dernier, fou de terreur, pleurant et criant, cherchait à se sauver par une course effrénée.

Mais c'était en vain et il allait être rattrapé par son oncle qui restait insensible, malgré les mille prières que lui adressait le garnement dans sa course. ĐINH GIỤC, un énorme bambou à la main, était prêt de lui administrer la correction qu'il méritait, indifférent à l'intervention de deux petits camarades ĐINH ĐIỀN (1) et NGUYỄN BẶC (2), qui s'efforçaient d'obtenir de lui le pardon des fautes commises.

Encore un peu et la correction était inévitable; une petite distance séparait encore ĐINH BỘ-LĨNH de

(1) ĐINH ĐIỀN 丁佃.
(2) NGUYỄN BẶC 阮匐.

nữa thì đến một con sông sâu và rộng. Ông Bộ-LĨNH lúc ấy đã nhọc lử đi rồi, mà đường đi thì có con sông ngăn lại không sao đi được, phải lội quá.

Thôi lúc bấy giờ không còn mong trốn được nữa, nhưng mà ồ lạ thật! có một con rồng nhớn lúc ấy nổi ngay lên trên mặt nước, và vươn mình dài ra ngang sông như là nằm ở đấy. Ông Bộ-LĨNH cứ vững lòng và không sợ hãi gì, đi ngay lên trên lưng con rồng để chạy mau sang bờ bên kia, mà con rồng lúc ấy hình như là lành lắm.

Ông ĐINH GIỤC thấy rồng hiện lên như thế, khiếp sợ, vội vàng chạy trốn và lộn về nhà, không dám đuổi theo đứa cháu can đởm ấy nữa, mà cái gì nó cũng chẳng sợ chỉ sợ chú mà thôi.

Lúc đến bên kia sông rồi, ông Bộ-LĨNH đi trốn và núp ở trong núi được ít lâu rồi lại về tự thú với ông ĐINH GIỤC để xin chịu tội đánh mắng. Nhưng mà ông chú lúc ấy đã nguôi giận rồi, và thấy cháu đã hối lại thì động lòng thương và tha tội cho nó.

Những bạn lúc bé của vua ĐINH TIÊN-HOÀNG, là ông ĐINH ĐIỀN và ông NGUYỄN BẶC, về sau cũng theo ông ấy đi đánh giặc có nghĩa lắm.

son oncle furieux, qui tous deux s'approchaient du bord d'un fleuve profond et large. ĐINH BỘ-LĨNH était harassé de fatigue et la route était barrée par le fleuve qu'il fallait traverser à la nage.

Tout espoir de se sauver était donc vain, mais ô miracle! un dragon gigantesque surgit à ce moment de l'eau et étend son long corps à travers le cours d'eau, comme pour s'y coucher. ĐINH BỘ-LĨNH court vite sur la rive opposée, marchant avec confiance et sans aucune crainte sur le dos de l'animal qui lui semblait inoffensif.

A cette apparition, ĐINH GIỤC, stupéfait et pris de peur, s'enfuit précipitamment et s'en retourna chez lui, n'osant continuer sa poursuite contre ce neveu courageux que seule la crainte respectueuse de son oncle avait pu effrayer.

De l'autre côté du fleuve, ĐINH BỘ-LĨNH se sauva et se cacha dans les montagnes pendant un certain temps, puis il revint se soumettre volontairement aux châtiments que ĐINH GIỤC voudrait lui réserver. Mais la colère de ce dernier était calmée, et très ému du sincère repentir de son neveu, il lui pardonna.

Les camarades d'enfance de ĐINH TIÊN-HOÀNG, ĐINH ĐIỀN et NGUYỄN BẶC, devinrent par la suite ses compagnons d'armes les plus dévoués.

Hai ông ấy lúc ra khai cuốc thì là những tướng võ tài, và đến khi lập được nước rồi thì là những tướng văn khéo trị nước, hai ông ấy giúp cho nhà *Đinh* được nhiều việc lớn, và nhà *Đinh* mà lập nên được cũng là vì công hai ông ấy nhiều lắm.

HẾT QUYEN THỨ NHẤT.



Bons généraux pendant la conquête et habiles hommes d'état quand le royaume fut fondé, ils rendirent de grands services à la dynastie des *Đinh*, dont ils contribuèrent pour une large part à l'établissement.

FIN DU 1er LIVRET.



CONTES ET MORALITÉS ANNAMITES

PUBLICATIONS F.-H. SCHNEIDER

COLLECTION DES CLASSIQUES

啟童雜引

Contes et Moralités Annamites

AVEC TRADUCTION FRANÇAISE

par

ĐỖ THẬN

杜愼

CO-AUTEUR

DU

Vocabulaire Grammatical Franco-Tonkinois

2e ÉDITION REVUE ET AUGMENTÉE

2e LIVRET



HANOI

F.-H. Schneider, Imprimeur-Éditeur

1906

啟童雜引

KHẢI ĐỒNG TẠP DẪN

NHỜI CÁO BẠCH

Sách « Khải-đồng-tạp-dẫn » *này khi vừa mới in ra thì đã bán hết ngay.*

Vì nhiều người có lòng tốt muốn xem sách ấy, cho nên tôi lại nhờ in ra hai nghìn quyển nữa.

Bản in lần thứ hai này, tôi đã thêm vào nhiều bài mới, mà những bài cũ thì tôi cũng có sửa lại, và tôi đã chia ra làm hai quyển.

Ước gì sách nhỏ này mà giúp cho trẻ con ta được ích lợi ít nhiều, thì tôi lấy làm vui lòng lắm.

ĐỖ THẬN.

Làm tại Hà-nội, ngày nguyên đán năm Bính-ngọ, niên hiệu Thành-thái thứ mười tám.

AVIS AU LECTEUR

La première édition de nos « Contes et Moralités Annamites » (1) *a été complètement épuisée dès les premiers jours de leur apparition.*

Le bon accueil dont ils ont été l'objet de la part du Public nous encourage à les faire réimprimer.

A cette deuxième édition, nous avons apporté de notables changements. Notre petit ouvrage, complété par plusieurs textes nouveaux, a été revu et divisé en deux livrets.

Puisse notre modeste travail offrir quelque intérêt et rendre service à nos jeunes Compatriotes, ce sera notre récompense.

ĐỖ THẬN.

Hanoi, le 25 janvier 1906.

---

(1) Bien que quelques-uns de nos contes soient d'origine chinoise ils n'en sont pas moins considérés comme des contes annamites.

QUYEN THỨ NHÌ

MỤC LỤC

Nhời cáo bạch.

1. — Truyện lúc ông MẠNH-TỬ còn bé. 2 4
2. — Ta phải nên khiêm tốn 6
3. — Khỏe mà không khôn cũng chẳng làm gì 8 10 12
4. — Học là có ích 14 16
5. — Nước đã đổ xuống đất rồi, có thể nào lại bốc lên được nữa không? 18 20
6. — Tài và sắc là hai thứ thuốc độc hại người. 22
7. — Các việc cần nhất của người ta phải làm 24 26
8. — Bụng nhân uốn được lòng giặc. 28 30 32 34
9. — Thượng hành hạ hiệu 36 38
10. — Gia tài quí hóa. 40 42
11. — Một sự kén trọn thẳm thiết 44 46
12. — Được làm quan vì có mấy lá *Ngải cứu*. 48 50 52

CÁC CHO IN NHẦM

Trang	BÀI	*Thay vì*	*Đọc là*
8	3, câu đầu bài	Khoe mà... chang lam gì.	Khỏe mà... chẳng làm gì.
18	5, »	Nước đa đo xuồng đat rồi..... nưa không ?	Nước đã đổ xuống đất rồi...... nữa không ?
18	5, ròng thứ nhất	có một ông tên là	có một người tên là
22	6, ròng thứ bẩy	Ong Hoàng Thường	Ông Hoàng Thường
24	7, câu đầu bài	Cac việc can nhat cua người ta.	Các việc cần nhất của người ta phải làm.
26	7, ròng thứ mười chín	Ay thề...	Ấy thề...
44	11, câu đầu bài	tham thiet.	thẳm thiết.
48	12 »	có may lá.	có mấy lá.

2e LIVRET

TABLE DES MATIÈRES

Avis au Lecteur.

1. — Jeunesse de MENCIUS. 3 5
2. — Soyons modestes. 7
3. — La force, quand elle n'est pas employée intelligemment, est sans valeur. 9 11 13
4. — L'utilité de l'étude. 15 17
5. — L'eau renversée à terre peut-elle être recueillie ?. . . 19 21
6. — Richesse et beauté sont deux poisons pour l'homme. . . 23
7. — Principaux devoirs de l'homme. 25 27
8. — Une bonne action peut toucher le cœur endurci d'un malfaiteur 29 31 33 35
9. — L'exemple qui vient de haut est vite suivi par le peuple. 37 39
10. — Un noble héritage. 41 43
11. — Un choix douloureux 45 47
12. — Quelques feuilles de « *ngải-cứu* » échangées contre un grade de mandarinat 49 51 53

ERRATA

Pages	TEXTES	*Au lieu de*	*Lire*
15	4, 3e et 4e lignes	des vertus cardinales (1)	des vertus cardinales (2)
15	4, 4e ligne	les lois communes (2)	les lois communes (1)
19	5, (titre)	a terre	à terre
25	7, 19e ligne	vous en ètes	vous en êtes

DEUXIÈME LIVRET

1

1. — TRUYỆN LÚC ÔNG MẠNH-TỬ CÒN BÉ.

Ông MẠNH-TỬ sinh vào đời *Chiến-quốc*, lúc bấy giờ nhà *Chu* đã suy, vua chỉ làm vì, không có quyền, cho nên các nước *Chư-hầu* khi ấy đánh nhau lộn bậy, chẳng còn nước nào biết tôn mịnh Thiên-tử nữa.

Sinh ông ấy vừa mới được một năm, thì bố ông ấy mất. Mẹ ông ấy làm nghề dệt vải để kiếm ăn.

Lúc nào bà ấy cũng chỉ chăm chút về việc dạy con mà thôi.

Đến khi ông ấy lên năm, sáu tuổi, thì ông ấy xem thấy ai làm cái gì cũng hay bắt chiếc.

Ông ấy ở láng giềng người làm thịt lợn, lúc chơi nghịch ông ấy cũng bắt chiếc già cách trọc tiết một con lợn. Và mẹ ông ấy thấy thế buồn ràu lắm, bèn dọn nhà đi ở chỗ khác, bảo rằng ở gần chỗ ấy thì hư mất con, không dạy bảo được.

Nhân tính con hay bắt chiếc, bà mẹ muốn dong cho con, bèn trọn một nơi gần những người học trò, để cho con cũng bắt chiếc học như những người ấy.

1. — JEUNESSE DE MENCIUS.

MENCIUS était né dans la période de la décadence de la dynastie des *Chu* qui ne régnait que nominalement, spectatrice impuissante des guerres que se firent entre eux ses royaumes tributaires ne reconnaissant plus l'autorité des empereurs, délégués du Ciel.

Il était âgé d'un an à peine, lorsque son père mourut. Sa mère gagnait sa vie en tissant.

La parfaite éducation de son fils était la principale préoccupation de tous ses instants.

Lorsque le futur grand moraliste atteignit l'âge de 5 ou 6 ans, il aimait beaucoup à imiter ce que faisaient les autres.

Voisin d'un boucher, il fit, en s'amusant, le simulacre de l'abatage d'un porc. Et sa mère, très chagrinée, déménagea dans un autre endroit, trouvant ce voisinage nuisible à son œuvre éducatrice.

Voulant donner sainement libre cours à son instinct imitateur, elle choisit à son fils des étudiants pour voisins et il les imitait en étudiant comme eux.

Có một hôm, ông ấy cũng đi chơi như các đứa trẻ khác, đùa nghịch, không học. Bà mẹ thấy thế nổi giận lên, không dệt cửi nữa, và quát mắng ông ấy rằng: « Hễ con không học, mẹ không dệt vải nữa, thì con phải chết đói. ».

Ông MẠNH-TỬ vốn hiền lành và dễ dạy, thấy mẹ bảo thế nghe ngay, rồi lại đi học như những người láng giềng.

Thủa bé ông ấy học hành nhiều lắm, hóa ra đến lúc nhớn, ông ấy chờ nên một người đại-hiền, biện bác nghĩa lý tài lắm, và chuyên được đạo chính của đức thánh KHỔNG PHU-TỬ.

Nếu ông ấy được như thế, là nhờ bà mẹ đã khéo dạy dỗ từ lúc ông ấy còn thật bé.

Un jour, comme le font le plus ordinairement les enfants, il s'amusa et n'étudia pas. Sa mère le voyant ainsi, se mit en colère, cessa de tisser et lui dit à haute voix : « Si tu ne travailles pas, mon fils, je ne tisserai plus, et tu mourras de faim. »

MENCIUS, soumis et docile, obéit à la volonté de sa mère et se remit à étudier, comme le faisaient ses voisins.

Jeune, il avait beaucoup travaillé ; grand, il devint un illustre moraliste et un des plus célèbres propagateurs des doctrines de la morale de KHỔNG PHU-TỬ *(Confucius)*.

S'il devint illustre, c'était grâce à sa mère qui avait si bien dirigé son éducation pendant sa tendre jeunesse.

---

2. — TA PHẢI NÊN KHIÊM TỐN.

Thường thường khi người ta biết được một hai điều, thì đã tưởng mình là thông thái, và coi những người khác như đồ ngu dốt. Cho nên mình ra mặt kiêu ngạo với những người cùng loài mình; nhưng mà chẳng biết rằng như thế thì ai ai cũng ghét.

Kẻ kiêu ngạo không bao giờ biết thêm được điều gì mới, mà những nết xấu của nó thì cứ còn lại.

Dẫu mình được thông thái, cũng phải nên nhún nhường, thì ai ai cũng yêu mến, mà mình có điều gì không phải, người ta cũng chỉ bảo cho; vì ở dưới thế gian này, dẫu những người thật sang trọng, cũng chẳng ai dám khoe rằng mình không có điều xấu.

---

2. — SOYONS MODESTES.

Souvent, quand on a acquis quelques connaissances, on se croit un savant et on considère les autres comme des ignorants. On se montre alors orgueilleux envers son prochain sans se rendre compte qu'on est ainsi détesté de tout le monde.

L'orgueilleux ne peut plus acquérir de connaissances nouvelles, tandis que tous ses défauts lui restent.

Quoique vous soyez instruits, soyez toujours modestes, on vous aimera, puis on vous montrera vos défauts dont personne ici-bas, fut-il des plus célèbres, ne peut prétendre être exempt.

---

3. — KHOE MÀ KHÔNG KHÔN CŨNG CHẲNG LÀM GÌ.

Thủa xưa có hai người đi kiếm củi trong rừng; đến chỗ hang hổ, có hai con hổ con, mà con hổ mẹ thì đi kiếm ăn vắng. Hai người ấy mỗi một người bắt một con hổ con, và mỗi một người trèo lên một cái cây cao.

Hai cây mà hai người kiếm củi lên ẩn như thế, thì cách xa nhau độ mười thước.

Sau một lúc, con hổ mẹ về hang, không thấy con đâu nữa, giận lắm, vội vàng đi tìm con.

Lúc bấy giờ người kiếm củi ở trên cây gần đấy, mới bóp con hổ con để cho nó kêu lên. Con hổ mẹ nghe thấy tiếng kêu, ngửng mắt lên trông thấy con. Giận lắm, nó mới nhẩy trồm ngay đến gốc cây và kêu rầm cả giời lên. Nó vừa gầm vừa lấy móng chưn sắc nhọn cào bới cây, muốn cho cây đổ xuống; hình như nó bảo người ở trên cây rằng:

« Mày phải giả con tao ngay, không thì tao làm cho mày phải ngã xuống và cây cũng phải đổ xuống, rồi tao cắn tao cào, mày đến chết. »

3. — LA FORCE, QUAND ELLE N'EST PAS EMPLOYÉE INTELLIGEMMENT, EST SANS VALEUR.

Jadis, deux bûcherons cherchaient du bois dans une forêt. Ils vinrent à un repaire qui cachait deux petits tigres, dont la mère était allée à l'affût. Chacun des bûcherons prit un des petits et grimpa sur un grand arbre.

Les deux arbres, sur lesquels les bûcherons s'étaient réfugiés, étaient distants l'un de l'autre d'une dizaine de pieds.

Peu après, la tigresse regagna sa demeure et n'y trouvant plus sa progéniture, elle se mit à sa recherche, pleine de fureur.

A ce moment, le bûcheron qui était sur l'arbre le plus rapproché, excita par de violents agacements, le petit tigre à crier. La mère, entendant les miaulements, leva les yeux et vit son petit. Rendue furieuse, elle bondit au pied de l'arbre, en assourdissant l'air de ses cris féroces. Elle rugit, cherchant par ses griffes puissantes à arracher l'arbre et à le déraciner; elle semblait dire à l'homme placé au-dessus d'elle:

« Rends-moi de suite mon petit; sinon je te ferai tomber avec l'arbre et tu mourras sous mes dents et mes griffes. »

Người kiếm củi ở bên cây kia lại cũng làm cho con hổ con, mà anh ta đã bắt lên đấy, phải kêu lên. Con hổ mẹ nghe thấy tiếng nó kêu, trông chung quanh mình, lại thấy nốt con hổ con nữa ở trên cây cạnh đấy. Con hổ mẹ vừa nhẩy đến đấy vừa gầm rít và muốn làm cho cây đổ xuống, cũng như là nó vừa mới làm ở cây bên này.

Hai anh kiếm củi ta, hết anh nọ đến anh kia, cứ làm cho hai con hổ con ấy kêu lên như thế, để bắt mẹ nó phải chạy đi chạy lại thì thọt ở cây bên nọ sang cây bên kia luôn luôn. Hai người ấy cứ làm trò ấy lâu mãi, mà con hổ mẹ thì cứ gầm rít và đi đi lại lại, chẳng lúc nào dừng chưn, mà cũng chẳng lúc nào nín tiếng.

Về sau nó dần dần chưn chạy một chậm đi, miệng kêu một nhỏ đi. Hết sức, tất hơi, phải lả xuống đất, nằm xóng soài ra, không cụ cựa được nữa. Lúc bấy giờ hai anh kiếm củi ta ở trên cây mới leo xuống, thì thấy con hổ cái đã chết rồi.

CÂU TỔNG LUẬN. — Những đứa ngu dại cạy mình là khỏe, chọn mất giơ dao, tưởng nó giận ai thì nó có thể ăn thịt người ấy được ngay. Nhưng mà người khôn, người ta cứ mặc kệ, chẳng ai thèm đo sức với chúng nó.

Le second bûcheron, perché sur l'autre arbre, fit à son tour crier le petit tigre qu'il avait enlevé. Ses cris furent entendus de la mère, qui regardant autour d'elle, vit son deuxième enfant sur l'arbre voisin. Elle y bondit en rugissant et voulut le déraciner comme elle l'avait fait pour l'arbre qu'elle venait de quitter.

Nos deux bûcherons firent crier ainsi, l'un après l'autre, les petits tigres qu'ils avaient enlevés à leur mère et obligèrent celle-ci à faire la navette d'un arbre à l'autre. Ils continuèrent longtemps ce manège, tandis que la tigresse allait et venait en rugissant, ne prenant aucun repos ni dans sa course ni dans ses cris.

A la fin, sa course se fit de moins en moins rapide, ses cris de moins en moins bruyants. Sans force, l'haleine éteinte, elle s'affaissa sur le sol, son corps s'étendit de tout son long, sans mouvement. Nos deux bûcherons descendirent alors de leurs arbres et trouvèrent l'animal mort.

MORALITÉ. — Les insensés qui vantent leur force, les yeux grandement ouverts et le couteau à la main, croient pouvoir dévorer sur le vif celui qui est l'objet de leur colère. Mais l'homme sage ne bouge pas et refuse de se mesurer avec eux.

Những đứa ấy cứ cố dùng sức hung hăng vô ích như thế, thì chóng hại mình lắm. Chúng nó thấy rằng chẳng ai muốn chống lại, thì tưởng mình là người đáo để lắm, nhưng mà không biết rằng chúng nó cũng giống như là con hổ cái đã nói ở trong truyện này. Con hổ cái ấy tưởng rằng làm dữ tợn thế thì hai người kiếm củi phải khiếp. Nhưng mà hai anh ta chả sợ gì sốt, lại trêu ghẹo con hổ ấy để mình được vui thích và để cho nó phải hại.

Ces fougueux s'épuisent vite en démontrant inutilement leur force menaçante. Voyant que personne ne se dit leur adversaire, ils se flattent d'être extrêmement redoutables, mais ils ignorent qu'ils ressemblent à la tigresse dont il est parlé dans la fable. Elle croyait, par sa férocité, venir à bout des deux bûcherons. Mais loin d'être terrifiés, nos deux hommes agacèrent, au contraire, leur ennemie et se distrayèrent à ses dépens.

---

4. — HỌC LÀ CÓ ÍCH.

Trong tất cả các công việc người ta làm ở trên đời này, thì việc học là có ích hơn cả.

Học thì trước là biết được cương [1] thường [2] luân lý, sau là biết được cách làm ăn, sau nữa là biết được những việc hay việc dở các đời trước.

Cho nên người ta lúc hãy còn trẻ tuổi phải chăm học, bao giờ cũng phải chuyên cần việc học luôn luôn, không nên sao nhãng lúc nào.

Như thế thì chẳng bao giờ là chẳng được hay mãi ra, rồi sau mới được nên một người thông thái và có ích lợi cho nước mình.

---

(1) *Cương* là *dường*, nghĩa là một cái chốt để cho các cái khác chằng chịt vào đấy. *Ba dường* là những dường này :

Một là *vua làm dường cho bầy tôi* ;
Hai là *cha làm dường cho con* ;
Ba là *chồng làm dường cho vợ*.

(2) *Thường* là *ngũ thường*, nghĩa là năm điều cốt người ta vẫn có, là những điều này :

Một là *điều nhân*, là bụng yêu người ;
Hai là *điều nghĩa*, là làm điều hợp nhẽ phải ;
Ba là *điều lễ*, là có lễ phép ;
Bốn là *điều trí*, là biết điều phải nhẽ trái ;
Năm là *điều tín*, là bụng tin thực chẳng sai.

4. — L'UTILITÉ DE L'ÉTUDE.

De toutes les occupations auxquelles se livrent les hommes de ce monde, l'étude est la plus utile.

L'étude permet de se pénétrer des vertus cardinales (1) et de connaître les lois communes (2) à l'homme, elle nous apprend les moyens de gagner notre vie et elle nous enseigne ce qui s'est passé dans les dynasties antérieures.

C'est pourquoi quand on est encore jeune, on doit se montrer studieux; sans cesse on doit s'appliquer à l'étude, sans jamais se lasser.

De cette façon, on ne cesse de se perfectionner et plus tard on devient un homme instruit et utile à son pays.

---

(1) Les *Trois lois communes à l'homme* 三綱 sont :

1o 君爲臣綱, la loi de la sujétion du sujet à l'égard de son prince ;
2o 父爲子綱, — du fils à l'égard de son père ;
3o 夫爲妻綱, — de la femme à l'égard de son mari.

(2) Les *Cinq vertus cardinales* 五常 sont :

1o 仁, l'Amour du prochain 愛人之謂仁, d'après la définition de HÀN DŨ 韓愈 ;
2o 義, le même Amour manifesté selon les convenances 行而宜之之謂義, d'après la définition du même philosophe ;
3o 禮, la Politesse ;
4o 智, la Raison ;
5o 信, la Sincérité.

Nếu lúc nhỏ mà chẳng học, thì đến lúc nhớn không phân biệt điều hay điều dở được.

Trong việc học có bốn điều chính, học trò cần phải làm:

Một là phải siêng năng;
Hai là phải suy xét;
Ba là phải vâng nhời thày;
Bốn là phải thân thiết với anh em bạn đồng học.

Học mà không chăm, thì chẳng bao giờ tấn tới lên được; không biết suy xét, thì chẳng bao giờ hiểu nghĩa lý được. Không vâng nhời thày, thì những nhời khôn nhẽ phải cùng những nghĩa hay thày giảng dạy cho, chẳng bao giờ mình biết được. Còn như không thân thiết với anh em đồng học, thì khi mình có cần gì đến người ta, chẳng ai người ta giúp đỡ mình.

Si, petit, on n'étudie pas, grand, on ne pourra distinguer ce qui est bien de ce qui est mal.

Il y a quatre principales conditions qu'un bon élève doit remplir :

1° être studieux ;
2° méditer les enseignements ;
3° obéir à son maître ;
4° se lier intimement avec ses condisciples.

Sans être studieux, on ne fait aucun progrès ; sans méditer les enseignements, on ne comprend jamais le sens ni la raison des choses. Sans obéir au maître, on ne peut profiter ni des conseils ni des explications qu'il donne. Enfin, sans liens d'amitié avec les camarades de classe, point d'aide ni de soutien quand on est dans le besoin.

---

5. — NƯỚC ĐA ĐÔ XUỒNG ĐAT RỒI CÓ THÊ NÀO LẠI BÔC LÊN ĐƯỢC NỪA KHÔNG ?

Ở bên Tàu, đời nhà *Hán*, có một ông tên là CHU MÃI-THẦN, ông ấy là người chịu khó học lắm.

Ông ấy nhà nghèo cùng lắm, phải đi vào rừng hay là lên núi kiếm củi để bán lấy tiền ăn. Bận nào ông ấy đi kiếm củi, cũng đeo một quyển sách vào trong mình, để tay thì bó củi mà miệng thì đọc sách.

Đến khi được củi gánh về, lại treo quyển sách lên trên bó củi, để mắt thì nhìn mà chưn thì đi. Chẳng có lúc nào là lúc ông ấy dời việc học.

Khốn nạn ông ấy lại phải một người vợ bất nhân. Thấy ông ấy nghèo khổ thế, nó xin bỏ ông ấy, để nó đi ăn ở với một người chồng khác.

Ông ấy khuyên dỗ thế nào nó cũng chẳng nghe, cứ bỏ ông ấy, rồi đi lấy một người chồng giàu.

Được mấy năm, ông CHU MÃI-THẦN đi thi đỗ Tiến-sĩ ; rồi được bổ làm quan Thái-thú ngay giữa phủ chỗ người vợ cũ ông ấy ở với chồng sau nó.

5. — L'EAU RENVERSÉE A TERRE PEUT-ELLE ÊTRE RECUEILLIE ?

En Chine, sous la dynastie des *Hán*, vivait un homme connu sous le nom de CHU MÃI-THÂN. Il se donnait beaucoup de peine pour son instruction.

Très pauvre, il était obligé de gagner sa vie avec le produit de la vente du bois qu'il cherchait dans la forêt ou sur les montagnes. Chaque fois qu'il allait chercher du bois, il apportait avec lui un livre, afin de pouvoir lire pendant que ses mains travaillaient à faire des fagots.

Quand il revenait avec son bois, il accrochait son livre aux fagots qu'il portait et tout en marchant il lisait. A aucun moment il n'abandonnait l'étude.

Malheureusement il avait une mauvaise femme. Le trouvant dans cette situation extrêmement pauvre, elle demanda à se séparer de lui pour aller vivre avec un autre mari.

Malgré les exhortations de son époux, elle le quitta et alla se remarier avec un richard.

Au bout de quelques années, CHU MÃI-THÂN fut reçu docteur et nommé préfet du département qu'habitaient la méchante femme et son nouvel époux.

Chị chàng ta nghe thấy tin thế, bèn đến kêu van ông ấy xin lại về tái hợp.

Nhưng mà ông CHU MÃI-THẦN bảo nó rằng : « Tao thử lấy một bát nước đầy đổ xuống đất, nếu mày có thể lấy tay mà vét được hết cả nước lên, thì tao lại lấy mày làm vợ(1) ».

Chị chàng ta thẹn đỏ mặt lên, lạy ông ấy, rồi đi ra đâm đàu xuống sông tự tử. Ông ấy bảo người vớt xác lên và đem chôn.

Về sau có một người hay chữ, đi qua đấy, thấy trên mả chị chàng ấy đầy những cỏ đen, chứ cỏ nó không xanh như trên các mả khác.

Người hay chữ ấy có đề lên trên cái mả ấy một bài thơ bốn câu, đã dịch ra như sau này :

Đầy mắt đen xì nấm mộ xưa,
滿 眼 蓬 蒿 一 古 邱
Nghìn năm cốt nát xấu còn trơ.
千 年 埋 骨 不 埋 羞

Mấy nhời cặn kẽ cho người biết :
丁 寧 寄 語 人 間 婦
Tấm cám cùng nhau đến tóc tơ.
自 古 糟 糠 到 白 頭

(1) Người đờn bà đã thất tiết với chồng thì cũng ví như một bát nước đã đổ xuống đất rồi, chả tài nào lại vét lên được nữa.

A cette nouvelle, celle-ci vint implorer sa pitié et demanda à retourner sous son toit.

Mais CHU MÃI-THÂN lui dit : « Je te reprends pour épouse si tu peux recueillir, avec tes mains, toute l'eau remplissant cette tasse que je vais répandre par terre (1) ».

La femme, rougissant de honte, le salua et partit. Elle se donna la mort en se jetant dans le fleuve. Il fit pêcher son cadavre et l'enterra.

Plus tard un lettré, passant par là, vit son tombeau couvert d'herbe d'une couleur noire, au lieu d'être verte comme sur les autres tombeaux.

Il inscrivit sur ce monument une pièce de quatre vers dont voici la traduction :

« En pleine vue est élevé un tombeau couvert d'une herbe noire,

« Où fut enterré pour toujours le corps d'une femme dont la honte cependant ne pourra jamais y être enterrée.

« Je recommande donc instamment aux femmes de ce monde

« De rester fidèles, jusqu'à la mort, à leurs maris pauvres ou malheureux. »

---

(1) L'infidélité d'une femme ne peut être pardonnée comme l'eau d'une tasse renversée à terre ne peut être recueillie.

6. — TÀI VÀ SẮC LÀ HAI THỨ THUỐC ĐỘC HẠI NGƯỜI.

Ở đời nhà *Tống*, có ông HOÀNG THƯỜNG là người trực thẳng và có hạnh.

Có một hôm, lúc ông ấy đi ra chơi chợ, thấy ở đàng trước mặt ông ấy có một người đàn bà đánh rơi mất một chiếc hoa tai vàng mà không biết, cứ đi.

Ong HOÀNG THƯỜNG nhặt lấy chiếc hoa ấy, rồi chạy theo giả lại người đàn bà.

Có một lần khác, khi ông ấy đi chơi với mấy người bạn học, gặp hai cô con gái đẹp đi qua đường, vừa cười vừa đùa.

Những bạn ông HOÀNG THƯỜNG thấy hai người con gái có duyên và vui vẻ thế, định đến trêu ghẹo, nhưng mà ông ấy can rằng :

« Sách có chữ *phi lễ vật thị* 非禮勿視 (1). Các anh đã học rồi, mà lại quên à ? »

Thế là ông HOÀNG THƯỜNG biết rằng tài với sắc là hai thứ thuốc độc nhất.

Vì thế cho nên chẳng những là ông ấy không dám lấy của của ai, mà đến của bắt được ở giữa đường ông ấy cũng không dám lấy. Và chẳng những là ông ấy không dám ghẹo gái, mà đến mắt ông ấy cũng không dám nhìn gái bao giờ.

(1) Cứ theo bản chữ tây thì chữ *thị* 視 phải đổi là chữ *động* 動 mới phải nghĩa.

6. — RICHESSE ET BEAUTÉ SONT DEUX POISONS POUR L'HOMME.

Sous la dynastie des *Tống* vivait HOÀNG THƯỜNG, homme droit et honnête.

Un jour qu'il se rendait au marché, il vit devant lui une femme qui perdit une de ses boucles d'oreille en or et qui continua son chemin, sans s'en apercevoir.

HOÀNG THƯỜNG, après avoir ramassé le bijou, courut vers la femme et le lui rendit.

Une autre fois, comme il se promenait avec quelques condisciples, il rencontra deux jolies filles qui marchaient en riant et en plaisantant.

Attirés par leur grâce et leur gaieté, les camarades de HOÀNG THƯỜNG résolurent de leur faire la cour, mais celui-ci les en empêcha en leur disant :

« Il est écrit dans le Livre qu'*il ne faut jamais rien faire d'immoral*. Vous avez tous appris ce principe, l'avez-vous donc déjà oublié ? »

Ces exemples montrent que HOÀNG THƯỜNG savait que la richesse et la beauté sont deux des poisons les plus dangereux.

C'est pour cette raison que non seulement il refusait de prendre le bien d'autrui, mais encore qu'il n'osait s'approprier ce qu'il avait trouvé sur la voie publique. C'est aussi pourquoi il ne se plaisait jamais à faire la cour aux femmes et qu'il ne voulait même pas les regarder.

7. — CAC VIỆC CAN NHAT CUA NGƯỜI TA.

Những việc cần nhất của người ta là những việc này;

Một là hiếu với cha mẹ;

Hai là ở phải đạo với thày;

Ba là phải cho có nghĩa với Nhà-nước cai trị.

Cha mẹ sinh ra con, công phu khó nhọc biết là bao nhiêu!

Không cần gì cứ phải giàu có hay là sang trọng mới có thể ăn ở hiếu với cha mẹ được. Chỉ phải siêng năng làm việc, ăn ở với ai cũng phải cho có lễ phép, và đừng có làm điều gì lỗi đạo thường.

Dầu con giai hay là con gái, trẻ hay là già, hễ không giữ được các việc bổn phận mình, thì cũng là lỗi đạo làm con. Hễ người nào giữ được điều hiếu thì sẽ được sung xướng.

Nếu mình đã học được cách ăn ở cứ theo như lễ phép chung, và nếu mình biết được một nghề gì kiếm được đủ tiêu cho khỏi đói rét, mà không phải đi ăn trộm ăn cấp: là nhờ người đã trông nom dạy bảo cho mình, nghĩa là nhờ ông thày học.

Cha mẹ thì sinh ra mình thật, nhưng mà ông thày thì dạy cho mình biết các đường lối để mà kiếm ăn.

7. — PRINCIPAUX DEVOIRS DE L'HOMME.

Les principaux devoirs de l'homme sont :

1° Etre reconnaissant envers ses parents ;
2° Se bien conduire envers son maître ;
3° Se montrer fidèle envers le Gouvernement.

Que les bienfaits d'un père et d'une mère pour leur enfant sont immenses !

Point n'est besoin d'être riche ou noble pour pouvoir se montrer reconnaissant envers ses parents. Il suffit d'être ardent au travail, de se conduire poliment avec tous et de ne faire jamais rien qui soit contre les règles de la bienséance.

Que vous soyez garçons ou filles, jeunes ou âgés, si vous ne remplissez pas vos devoirs, vous manquerez à la piété filiale. Ceux d'entre vous qui observeront la piété filiale seront heureux.

Si vous avez appris à vivre selon les règles de la morale et si vous connaissez un métier vous permettant de gagner honnêtement la vie à l'abri de la faim et du froid, vous en êtes redevables à celui qui s'occupe de votre éducation et de votre instruction, c'est-à-dire à votre maître.

Ce sont bien vos parents qui vous ont donné la vie, mais c'est votre maître qui vous fournit les moyens de gagner votre pain.

Ông thày dạy học thì cũng giống như một người thợ bào và đục một khúc gỗ không ra hình rạng gì, để mà làm thành ra những đồ dùng được.

Ơn ông thày đã có công dạy bảo mình và chăm chỉ cho mình được thông thái cũng ngang bằng công cha mẹ sinh ra mình ở trên đời nầy. Vậy mình nên ăn ở cho phải đạo với ông thầy, nếu không thế thì cũng giống như một người đã bắt được cá rồi lại bỏ lờ.

Còn như Nhà-nước cai trị, ngoài giữ giặc cướp cho cả nước được yên, trong làm các công nọ việc kia để lợi dân. Những ơn huệ làm cho cả dân sự được nhờ như thế, thực là to nhớn vô cùng. Cho nên con người ta, dù đi học hay là đi buôn, dù làm ruộng hay là làm thợ, ai ai cũng phải nên gắng sức để mà chăm làm việc mình cho tốt.

Nếu mình làm quan thì phải nên hết lòng giúp Nhà-nước cai trị, để cho nước mình càng ngày càng được thịnh lợi và càng được to nhớn mãi ra. Ấy thế thì mình mới được kể là bầy tôi trung nghĩa. Những con ong và những con kiến còn biết kính trọng vua chúa chúng nó, phương chi con người ta, là loài biết điều trái nhẽ phải, mà lại chẳng biết sự ấy hay sao?

Le maître ressemble à l'ouvrier qui transforme à coups de rabot et de ciseau un bloc de bois informe en des objets utilisables.

Les bienfaits du maître, qui a soin de votre éducation et de votre instruction, égalent ceux de vos parents qui vous ont mis au monde. Vous devez donc vous montrer reconnaissants envers votre maître, sinon vous ressemblerez à un homme qui a pêché des poissons et qui jette ensuite la nasse qui l'a aidé à les prendre.

Le Gouvernement, à l'extérieur, s'occupe de la défense du pays et vous assure la paix ; à l'intérieur, il entreprend divers travaux utiles au peuple. Les bienfaits qu'il répand ainsi à tous les habitants sont immenses. C'est pourquoi vous tous, que vous soyez étudiants ou marchands, laboureurs ou artisans, vous devez vous efforcer à bien travailler.

Si vous êtes mandarins, vous devez aider le Gouvernement de tout votre cœur à rendre votre pays plus prospère et plus grand de jour en jour. Vous serez alors considérés comme de bons sujets. Les abeilles et les fourmis savent respecter leurs chefs, à plus forte raison, l'homme, être raisonnable, ne doit-il pas en faire autant ?

---

8. — BỤNG NHÂN UỒN ĐƯỢC LÒNG GIẶC.

Ông CHU NHÂN ở lăng *Hạ-ốc*, huyện *Đông-quan*; nhà giàu kể có ức vạn và khắp cả miền ấy ai cũng biết rằng ông ấy là người rộng bụng.

Bấy giờ là đời vua SÙNG-TRINH, trong nước có nhiều giặc cướp lắm.

Một hôm, có một toán giặc, có đồ khí giới, định đến ăn cướp nhà ông ấy, nó bèn sai một thằng cờ đàu đến chỗ ông ta ở để dò la xem.

Thằng cờ đàu mấy giả làm đứa ăn mày, đến nhà ông ta đứng ở ngoài cửa, kêu xin ra tiếng thảm thiết lắm.

Lúc bấy giờ ông CHU NHÂN đương ăn, bèn bảo lấy cơm đem ra cho thằng ăn mày giả ấy.

Nó kêu rằng cơm mà chẳng có cái gì ăn cho ngon miệng, thì không sao nuốt khỏi cuống họng được, nó hỏi xin thịt, ông ấy lại cho ngay.

Như thế nó cũng chưa bằng lòng, còn phàn nàn rằng có riệu thì ăn thịt mới ngon.

Ông nhà giàu thương thằng giả khổ sở ấy thèm riệu, lại bảo đầy tớ mang riệu ra cho nó. Trong bụng ông ấy lẩn thẩn nghĩ rằng: « Thấy kẻ khác

8. — UNE BONNE ACTION PEUT TOUCHER LE CŒUR ENDURCI D'UN MALFAITEUR.

Chu Nhân était né au village de *Hạ-ốc*, dans le huyện de *Đông-quan*. Millionnaire, il était connu dans toute la région pour sa grande générosité.

A cette époque, sous le règne de l'Empereur Sùng-trinh, les brigands pullulaient.

Un jour, une bande armée projetait de piller le domaine du richard, qu'elle fit épier par un de ses porte-drapeaux d'avant-garde.

Ce dernier, déguisé en mendiant, se rendit chez le richard, s'arrêta devant la porte de sa maison et demanda l'aumône d'une voix suppliante.

Chu Nhân, en train de prendre son repas, fit donner du riz au prétendu mendiant.

Celui-ci, disant ne pouvoir introduire cet aliment dans sa gorge sans quelque chose qui éveillât son appétit, demanda encore de la viande, ce qui lui fut accordé.

Non content de cela, il se plaignait de n'avoir pas de vin qui aiderait à faire passer la viande.

Le richard, ayant pitié de ce soi-disant malheureux, ordonna à un de ses serviteurs de lui apporter cette liqueur tant désirée. « Quel bon-

được sung xướng thì mình được thỏa lòng là dường nào! »

Thằng giặc còn muốn dò la nữa để xem bụng ông nhà giàu thế nào, nó mấy xin vào cùng ngồi uống riệu với ông ấy một mâm. Vì nó nghĩ rằng: « Được như thế thì ông ấy mới thật là người có lòng thương kẻ ăn mày sơ xác; nhưng mà người giàu hay tôn mình, chả ai chịu cho cùng ngồi một mâm như thế. »

Nhưng mà bụng người lớn có ai biết được, ví cũng như chính mình có hiền thì mới biết được người hiền (惟賢知賢). Ông nhà giàu rộng bụng thấy nó xin lạ thế cũng cho, mà nó thì tưởng rằng chả bao giờ ông ấy chịu cho thế.

Nó được ngồi cùng một mâm với ông ấy, thấy trước mắt có nhiều món đồ ăn lạ và quí, mùi thơm ngào ngạt, muốn ăn lắm; nó bèn nốc riệu từng hơi dài.

Ông nhà giàu cứ để cho nó ăn uống, chẳng nói năng gì cả.

Thằng giặc ăn mày mới nghĩ trong bụng rằng: « Dẫu có ăn cướp được một chỗ tốt, mà làm tiệc ăn uống với nhau, cũng chẳng được thích khẩu như thế này, mà làm đời người thì chẳng qua cũng

heur de voir les autres heureux ! », s'imaginait-il naïvement.

Voulant sonder encore davantage le cœur du millionnaire généreux, le brigand lui demanda à boire à la même table que lui. « Cet honneur montre vraiment de la pitié pour un mendiant en haillons, pensait-il, mais son amour-propre ne lui permettra pas de me donner une place à sa table. »

Mais comme le cœur d'un grand homme est impénétrable, ou plutôt comme seul le sage connaît un autre sage, le millionnaire généreux accéda à la singulière demande du malfaiteur. Celui-ci ne s'y attendait nullement.

Assis à la même table que lui et ayant devant sa bouche de nombreux plats chargés de mets rares dont l'odeur exquise mit son odorat en délices et excita énormément son appétit, il se mit à boire de l'alcool à grands traits.

Naturellement le richard le laissa faire sans murmurer.

Le brigand-mendiant dit en lui-même : « Un festin que nous ferions après un fructueux pillage ne procurerait pas autant de plaisir à mon goût,

chi cốt ăn uống cho được thật xướng miệng mà thôi. »

Nó thấy ông nhà giàu nhân đức thế, lấy làm động lòng, mới hỏi ông ấy rằng: « Làm sao thằng ăn mày dám xin cùng ngồi uống riệu với ông một mâm, mà ông chịu cho ngồi đối ẩm như thế, mà ông cũng không lấy làm xấu hổ? »

Ông ấy nói lại với nó giống từa tựa như thế này: « Thế nào là kẻ ăn mày? Ăn mày là người nghèo khó chẳng có của cải gì. Chính tôi, trước tôi cũng nghèo, nhưng mà nhờ giời bây giờ tôi được giàu có. Cho nên tôi không biết khinh dể những kẻ ăn mày, và tôi hay thương các người ấy lắm. Nhưng mà tôi tưởng rằng anh chả phải là kẻ ăn mày. Phỏng thì anh cũng là một người đi lạc đường, bơ vơ một mình, không có công việc làm, và không lấy gì mà ăn được, nhưng mà phải mấy hôm mà thôi, có phải không, hở anh? »

— Thằng giặc lắc đầu cười tủm tỉm đáp lại rằng: « Không. Thưa ông, tôi xin thú thật với ông rằng tôi là thằng cờ đầu một toán giặc ở núi gần đây. Nó định đến cướp nhà ông, và nó sai tôi lại đây, để dò nhận đường lối.

Bởi người ta nói rằng ông có lòng rộng dãi vô

un de mes sens dont la complète satisfaction doit être le but de toute ma vie présente ».

La générosité du millionnaire l'émouvait et il le questionna pourquoi il pouvait supporter l'affront éhonté d'un mendiant qui avait osé lui demander à boire avec lui à la même table.

Il fut répondu au brigand à peu près dans ce langage : « Qu'est-ce que c'est un mendiant ? C'est un pauvre qui est tombé sous le coup d'une mauvaise fortune. Moi, j'ai été pauvre, mais grâce au Ciel, je suis maintenant riche. Cela m'apprend à ne pas mépriser les mendiants dont j'ai grand'pitié. Vous n'êtes pas un mendiant, je crois. C'est peut-être tout simplement un voyageur égaré, seul sur le chemin, sans travail et sans moyen d'existence, pour quelques jours seulement, n'est-ce pas, mon frère » ?

— « Non, répliqua-t-il, en souriant et en hochant la tête. Je vous avoue franchement, Monsieur, que je suis le porte-drapeau d'avant-garde d'une bande de pillards dont le repaire se trouve sur une montagne située non loin d'ici. Elle avait formé le dessein de vous piller et j'ai été envoyé ici pour reconnaître le terrain.

Comme on dit que vous êtes d'une générosité

cùng, cho nên tôi đến thử bụng ông; bây giờ tôi thật phục ông lắm».

Rồi sau nó sui ông ấy đem của đi trốn ở chổ khác, thì ông ấy nghe và làm ngay.

Cả của, cả người và cả nhà ông ấy đã chắc phải tàn hại mà lại được thoát cả.

---

extrême, j'ai voulu vous mettre à l'épreuve: je m'incline devant vous ».

Et le malfaiteur lui conseilla de se réfugier ailleurs avec ses richesses, ce qui fut fait au plus vite par le millionnaire.

Sa fortune, sa personne ainsi que toute sa famille furent épargnées d'une destruction certaine.

---

9. — THƯỢNG HÀNH HẠ HIỆU.

Ông Trương Kiệm, người ở nước *Liêu*, tuy rằng làm quan thượng-thư bộ lại, nhưng mà ông ấy ăn tiêu gì cũng vẫn có chừng mực lắm.

Thường thường ông ấy chỉ mặc đồ vải hay là đồ lụa xấu mà thôi, chỉ ăn những đồ ăn thường mà thôi, chẳng bất làm những đồ chân vị bao giờ, mà cũng chẳng sắm đồ phù hoa hay là đồ vô ích bao giờ.

Tiền lương tháng của ông ấy ăn tiêu còn thừa lại thì ông ấy tư giúp cho những kẻ khó, cho những người trong họ ông ấy và cho những bạn thiết với ông ấy.

Có một hôm, giữa mùa đông, ông ấy vào chầu vua. Vua thấy ông ấy mặc một cái áo thật tầm thường bèn mật phán bảo một tên thị vệ cầm một tí lửa ra chọc một lỗ thủng nhỏ vào cái vạt áo của ông ấy để làm dấu.

Cách hai ba hôm sau, lúc ông ấy lại vào chầu, đức Hoàng-thượng lại trộng thấy mặc cái áo ấy, mới hỏi ông ta rằng:

— « Làm sao ngươi chỉ cứ mặc một cái áo ấy mãi »?

9. — L'EXEMPLE QUI VIENT DE HAUT EST VITE SUIVI PAR LE PEUPLE.

Trương Kiệm, habitant de *Liêu*, occupait les fonctions de ministre de l'intérieur; cependant il était toujours très modéré dans toutes ses dépenses.

Il ne portait habituellement que des vêtements en tissus de coton ou de soie commune, se nourrissait de mets ordinaires, ne se faisait jamais préparer de plats recherchés, et ne se servait jamais d'objets somptueux ou inutiles.

Ce qui restait de ses appointements mensuels, il le donnait aux pauvres, à ses parents et à ses intimes.

Un jour, pendant l'hiver, il assistait à une audience impériale. Le roi, voyant son ministre vêtu d'un habit très simple, ordonna secrètement à un de ses gardes de marquer, avec du feu, un petit trou sur le pan de son vêtement.

Deux ou trois jours après, quand il revint à la Cour, Sa Majesté, le trouvant encore avec le même habit, lui posa cette question :

— « Pourquoi mettez-vous toujours le même costume » ?

— Ông ấy tâu đức Hoàng-đế rằng: « Tôi mặc cái áo này đã được hơn ba mươi hôm nay. Trong nước bây giờ dân làm lắm việc sa phí quá. Tôi mặc áo xấu này là có ý mong để làm gương cho dân nó bớt sa si đi và bớt tiêu pha hoang dại đi ».

Vua thấy cách ông thượng-thư tôn kính trong chiêu mà ăn ở như thế, lấy làm hay lắm, và vua lại càng quí trọng ông ấy hơn trước.

Còn như những người ở trong nước từ khi thấy ông ấy ăn mặc tầm thường như thế, họ mới bảo nhau rằng: «Kìa như là một ông đại-thần mà còn ăn ở tiết kiệm, phương chi chúng ta là người thường dân, há lại chẳng phải tiết kiệm hay sao»? Rồi những người ấy cùng bảo nhau không tiêu pha dại nữa và bỏ cả sự phù hoa.

— « Sire, répondit-il à son souverain, je suis vêtu de cet habit depuis plus de 30 jours. Dans le royaume, le peuple fait actuellement beaucoup de prodigalités. Je porte ce vêtement rustique dans l'espoir que mon exemple persuadera le peuple à diminuer son luxe et ses folles dépenses.

Le roi trouva bonne la façon d'agir de son vénérable ministre, et se montra plus respectueux envers lui qu'auparavant..

Quant aux gens du royaume, lorsqu'ils l'eurent vu si simplement vêtu, ils se dirent: « Voilà un grand mandarin, mais il pratique néanmoins l'économie; nous autres, hommes du peuple, ne devrions-nous pas en faire autant » ? Puis ils s'exhortèrent à ne plus se livrer à de folles dépenses et abandonnèrent le luxe.

---

10. — GIA TÀI QUÍ HOÁ.

Ông Phan-cống-Hồ người ở *Tô-châu*, đi buôn muối kiếm được nhiều tiền bạc lắm. Ông ấy hoá ra người giàu kể có ngót triệu.

Đến sau ông ấy không tham tiền bạc nữa, bèn nghỉ đi buôn để chỉ chuyên vào những việc làm phúc mà thôi.

Cứ đến cuối năm, độ trung tuần tháng chạp, ông ấy đem vài ba trăm lạng vàng, đi khắp cả trong nước, để làm phúc ở dọc đường cho những kẻ nghèo khó.

Hễ ông ấy thấy một người túng kiết, thì ông ấy lấy tiền bạc cho nó.

Những người rét mướt khổ sở, thì ông ấy phát quần áo ấm cho. Những người đi đường phải khát nước cực khổ thì ông ấy cho uống.

Ông ấy phát cơm gạo cho những kẻ đói, và trong anh em họ hàng ai bần cùng thì ông ấy cũng giúp đỡ cho cả.

Vợ ông ấy là người tham lận, chỉ biết mình mà thôi, và hạt tiện quá cho đến nỗi chả hiểu gì sốt, chỉ lo của cải để ngày sau cho con mà thôi; chị chàng ta hỏi ông ấy rằng:

— « Ông tiêu pha như thế thì ngày sau ta còn lấy gì mà để lại cho con cái ta nữa »?

10. — UN NOBLE HÉRITAGE.

PHAN-CÔNG-HÔ, natif de *Tô-châu*, ramassa une grande fortune dans son commerce de sel. Il devint presque millionnaire.

N'ayant pas une soif immodérée de l'argent, il cessa alors son négoce pour se livrer complètement aux œuvres philanthropiques.

A la fin de chaque année, vers le milieu du 12e mois, emportant avec lui plusieurs centaines d'onces d'or, il parcourait tout le pays et répandait en chemin des secours aux pauvres.

Quand il trouvait un besogneux, il lui donnait de l'argent.

A ceux qui souffraient du froid, il distribuait des vêtements confortables. Aux voyageurs que la soif torturait en route, il donnait à boire.

Il distribuait du riz aux affamés et venait en aide à ses parents pauvres.

Sa femme, avare et égoïste, poussait trop loin l'économie dont elle ne comprenait pas la portée, et se souciait trop du futur bien-être matériel de ses enfants; elle lui dit:

— « Que laisserons-nous à nos enfants après de telles dépenses »?

— Ông ấy đáp lại rằng: « Tôi tiêu pha như thế chính là để dành cho các con cái chúng ta đấy. Chúng ta được giàu có thế này, là nhờ ông bà tổ tiên chúng ta đã làm các việc có đức, cho nên bây giờ chúng ta mới được hưởng.

Mình phải biết rằng ai làm điều thiện thì hẳn là được hay, dầu chẳng trước thì sau, mà chính người làm điều thiện ấy chẳng được hay, thì cũng con cháu người ấy được.

Và lại nếu chúng ta gặp phải con hư, thì tiền bạc của chúng ta chỉ thêm cho nó sinh ra phóng túng càn dỡ mà thôi ».

(Truyện này ở sách Thiện-thư *dịch ra).*

— « C'est pour le bien de nos enfants, lui répondit-il, que j'ai dépensé ainsi. Notre fortune présente est due aux œuvres charitables de nos ancêtres, dont nous cueillons aujourd'hui les fruits.

Sache bien qu'une bonne action est récompensée tôt ou tard d'une façon infaillible, elle rapporte profit soit à son auteur, soit à ses descendants.

D'ailleurs, si nous avions de mauvais fils, nos richesses ne seraient qu'un instrument de leurs passions malsaines ».

Extrait du *Thiện-thư*
(Livre de Morale bouddhiste).

---

11. — MỘT SỰ KÉN TRỌN THAM THIET.

Ngày xưa có một đứa bé bồ côi cả bố cả mẹ, phải đến ở với bác, để bác nuôi cho ăn và bác trông nom cho.

Bác lại nuôi một ông thày để dạy bảo nó nữa. Bác coi nó cũng như là con đẻ.

Một hôm, bác đi về nhà quê, đem cả con và thằng cháu ấy cùng đi. Lúc đi đường chẳng may gập một toán cướp nó bắt cả hai đứa bé.

Người bác mấy nghĩ trong bụng rằng: « Nếu mất đứa con thì sau này mình còn đẻ ra đứa con khác được. Còn như thằng cháu, bố mẹ nó chết cả rồi, mà giặc bắt mất, thì chả bao giờ mình lại có được một đứa cháu khác nữa. Ta đi ra cố van những thằng giặc để nó tha cho thằng cháu ta. Họa may giặc nó nghe nhời ta xin chăng » !

Trong bụng nghĩ thế rồi người bác mấy liều đến chỗ những quân giặc và nói với chúng nó rằng: « Lạy các Quan, các Quan có bắt thì bắt thằng con tôi, xin các Quan tha cho thằng cháu tôi, bởi vì bố mẹ nó chết mất cả rồi ».

11. — UN CHOIX DOULOUREUX.

Jadis, un enfant orphelin de père et de mère vivait avec son oncle paternel, qui le nourrissait et l'entretenait.

Il lui payait également un professeur pour son éducation et son instruction. Il le traitait absolument comme s'il eut été son propre enfant.

Un jour, l'oncle se rendit à la campagne en compagnie de son fils et de son neveu. Pendant qu'ils faisaient route ensemble, une bande de brigands survint et saisit les deux enfants.

L'oncle se fit alors cette réflexion: « Si je perds mon fils, je pourrai engendrer un autre. Mais quant à mon neveu, qui n'a plus ni père ni mère, je ne pourrai jamais en avoir un autre, s'il m'est enlevé. Je vais insister auprès des brigands, afin qu'ils délivrent mon neveu. Peut-être accepteront-ils ma demande »!

Après cette réflexion, il alla, au risque de sa vie, trouver les malfaiteurs et leur dit: « Grands mandarins, puisque vous voulez enlever les enfants, gardez mon fils, mais délivrez mon neveu, je vous en supplie, car ses parents sont tous morts ».

Những quân giặc thấy người ấy kêu van như thế bèn tha cả hai đứa bé.

Chú bác phải nên coi cháu cũng như con, mà cháu thì phải nên kính trọng chú bác cũng như cha.

A ces mots, les brigands relâchèrent les deux petits garçons.

Les oncles doivent considérer leurs neveux comme leurs propres enfants, et les neveux doivent avoir pour leurs oncles le même respect que pour leurs propres pères.

---

12. — ĐƯỢC LÀM QUAN VÌ CÓ MAY LA NGAI-CỨU.

Ngày xưa có hai người kết bạn mấy nhau, không có ngày nào là hai người ấy chẳng cùng đi chơi với nhau, khắp mọi nơi.

Lúc đi đường một anh thấy cái gì dùng được cũng nhặt lấy, đến cả các cái mà thường thường chả ai muốn lấy, anh ta cũng nhặt cả.

Một hôm anh ta hái một ôm lá ngải-cứu. Cây ấy bấy giờ nó mọc đầy cả ở bên đường; anh ta chất những lá ấy lên trên đàu rồi đội về nhà.

Người bạn anh ta tưởng rằng những lá ấy vô ích không khi nào dùng gì được, chế mãi anh ta, rồi sau lại bảo anh ta là thằng dại.

Anh ta thấy người bạn nhạo chế cũng mặc kệ làm thinh, cứ đem những lá ấy về nhà phơi ra, rồi bỏ vào một xó.

Cách sáu năm về sau, ông vua nước hai người ấy ở phải bịnh đau tức nặng lắm, và cứ theo nhời thày thuốc bảo, thì chỉ có lá ngải-cứu đã phơi

12. — QUELQUES FEUILLES DE « NGAI-CỨU » ÉCHANGÉES CONTRE UN GRADE DE MANDARINAT.

Il y avait autrefois deux hommes qui s'étaient liés d'amitié, et il ne se passait pas un jour sans qu'ils se promenaient ensemble dans toutes les directions.

En chemin, l'un d'eux recueillait tous les objets utilisables, même ceux dont personne ne se soucie ordinairement.

Un jour, il cueillit une brassée de feuilles de « *Ngải-cứu* » (1). Cette plante poussait au bord de la route; il en chargea les feuilles sur sa tête et prit le chemin de son domicile.

Croyant que ces feuilles ne pouvaient être utiles en aucun cas, son ami le railla beaucoup et finit par lui dire qu'il était fou.

Ne prêtant point oreille aux propos moqueurs de son ami, il porta chez lui sa cueillette, la sécha et la mit dans un coin.

Six années s'écoulèrent, et le roi régnant dans le pays qu'habitaient nos deux hommes, fut atteint d'une grave maladie de poitrine, que seules les

---

(1) Herbe médicinale qu'on appelle *herbe Saint-Jean* en français.

khô mà để lâu được sáu bẩy năm rồi, thì mới chữa được khỏi mà thôi.

Lá ấy hiếm có lắm, vua đã phải phán bảo cả các quần thần phải đi tìm khắp cả trong nước, nhưng mà tìm cũng không được.

Sau vua mới phán cho cả dân sự biết rằng:

« Ai mang dâng lên đức Hoàng-thượng những lá ngải khô đã để lâu sáu bẩy năm rồi, và có thể chữa đức Hoàng-thượng được khỏi bịnh, thì bổ cho làm quan ».

Cả trong nước ai cũng tìm kiếm thứ ngải-cứu kinh niên ấy, nhưng mà chả nhà nào có.

Chỉ anh ta hay phòng xa, đã bỏ trong xó nhà một đống lá ngải-cứu mà anh ta đã hái được hơn sáu năm nay, là có thứ lá ấy để vua làm thuốc được mà thôi

Anh ta bèn đem vị thuốc quí của anh ta vào cung dâng vua.

Mà thứ thuốc ấy hay thật, vua vừa mới uống thì thấy khỏi bịnh ngay.

Anh nọ tính hay phòng bị trước mà anh kia tưởng là thằng dồ dại, thì được thưởng và được danh giá.

feuilles de « *Ngải-cứu* » séchées depuis six ou sept ans pouvaient combattre efficacement, d'après son médecin.

En vue de trouver ces feuilles qui étaient rares, le monarque ordonna à ses serviteurs de faire des recherches dans tout son royaume; elles restèrent infructueuses.

Alors il fit savoir ceci à tous ses sujets:

« Quiconque offrira à Sa Majesté des feuilles de *Ngải-cứu* séchées depuis six ou sept ans et pouvant la guérir de sa maladie, sera nommé mandarin ».

Tout le monde cherchait en vain cette vieille herbe médicinale qu'aucune maison du pays ne possédait.

Seul, notre homme prévoyant, qui avait mis dans un coin de sa demeure les feuilles qu'il avait cueillies depuis plus de six ans, pouvait offrir au souverain le remède qu'il demandait.

Il se présenta au palais avec son précieux médicament.

Les effets en furent merveilleux: le roi l'eut à peine avalé qu'il se trouva guéri complètement.

La prévoyance de celui qu'on croyait fou fut récompensée et il parvint aux honneurs.

Còn anh kia không biết lo xa và hay nhạo chế anh nọ, thì vẫn phải nghèo khó và tầm thường.

Truyện này kể ra để cho ai cũng biết rằng phải nên phòng bị trước.



HẾT QUYEN THỨ NHÌ.



Son ami imprévoyant, qui l'avait sottement raillé, restait dans la pauvreté et la médiocrité.

Ceci est raconté pour faire voir, aux yeux de tous, qu'il faut être prévoyant.



FIN DU 2e LIVRET.

